**TUẦN 18**

Ngày soạn: 02/01/2021 Ngày dạy: Thứ hai/04/01/2021

**Tiếng việt**

**BÀI 181 + 182 : ÔN TẬP – Trang 174**

**I.MỤC TIÊU**

- Ôn lại các vần đã học

- Củng cố và mở rộng vốn từ ngữ (thông qua những từ ngữ chỉ loài vật); có thêm hiểu biết về tự nhiên và xã hội.

- Củng cố kĩ năng đọc thành tiếng một văn bản ngắn có chứa âm, vần đã học.

- Củng cố kĩ năng chép chính tả một đoạn ngắn (có độ dài khoảng 12, 15 chữ).

- Bồi dưỡng cảm xúc và tình yêu đối với thiên nhiên và cuộc sống.

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC**

-Quan sát, thảo luận nhóm, luyện tập, thực hành,…

**III.PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

- Nắm vững đặc điểm phát âm của các âm, vần; cấu tạo và quy trình viết các chữ ghi các vấn; nghĩa của các từ ngữ trong bài học (từ tuần 1 đến tuần 16) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này. Chú ý hiện tượng một âm được ghi bằng nhiều con chữ (àm “cơ” được ghi bằng 2 con chữ c/ k (xe ca); âm "gờ" được ghi bằng hai con chữ: g/ gh (gờ đơn gờ một chữ gờ kép gờ hai chữ); âm “ngờ" được ghi bằng 2 con chữ: ng/ ngh (ngờ đơn - ngờ hai chữ/ ngờ kép - ngờ ba chữ).

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TIẾT 1**  **1. Ôn và khởi động**  - HS hát chơi trò chơi  **2. Ghép các chữ đứng liền nhau (thêm dấu thanh phù hợp) để tạo từ ngữ chỉ loài vật**  - Hoạt động nhóm. GV nêu yêu cầu thảo luận: Các nhóm đọc âm được ghi bằng các chữ theo hàng ngang và hàng dọc đứng lin nhau để tìm từ ngữ chỉ loài vật. Từng thành viên trong nhóm chia sẻ hiểu biết của mình vẽ loài vật mà cá nhân yêu thích.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các nhóm khác nghe, nhận xét.  **3. Đọc**  Tết đang vào nhà  Hoa đào trước ngõ Cười tươi sáng hồng Hoa mai giữa vườn Lung linh cánh trắng. Sân nhà đây nắng Mẹ phơi áo hoa Em dán tranh gà Ông treo câu đối. Tết đang vào nhà Sắp thêm một tuổi Đất trời nở hoa.  (Nguyễn Hồng Kiên)  - Gv yêu cầu HS đọc thầm cả bài thơ, tìm tiếng có chứa các vấn ơi, ao, ăng.  - GV hỏi HS về các tiếng chứa vần đã học có trong bài thơ: Những câu thơ nào có tiếng chứa vần ơi? Những tiếng nào chứa vần ơi?  - GV thực hiện tương tự với các vần ao, ăng.  - GV giải thích nghĩa từ câu đối (nếu cần) bằng cách cho HS xem tranh về câu đối. GV có thể nói thêm về câu đối. Câu đối được treo ở đình, chùa hoặc những nơi trang trọng trong nhà. Câu đối thường có nội dung ca ngợi những giá trị tốt đẹp. Vào ngày Tết, một số gia đình Việt Nam có truyền thống treo câu đối để thể hiện mong ước tốt lành cho một năm mới.  - GV đọc mẫu.  - HS đọc thành tiếng cả đoạn (theo cá nhân hoặc nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV.  - GV hỏi HS một số câu hỏi về nội dung đã đọc:  +Loài hoa nào được nói tới trong bài thơ? +Tìm những từ ngữ miêu tả vẻ đẹp của loài hoa đó. Gia đình bạn nhỏ làm gì để chuẩn bị đón Tết?  +Còn gia đình em thường làm gì để chuẩn bị đón Tết?  +Em có thích Tết không? Vì sao em thích Tết?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **TIẾT 2**  **4. Tìm trong bài thơ Tết đang vào nhà những tiếng có vần ơi, ao, ăng**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, cùng đọc lại bài thơ và tìm những tiếng có vần di, ao, anh.  - GV yêu cầu các nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV và HS nhận xét, đánh giá.  **5. Viết chính tả**  - Từ tuần 17, HS chỉ viết cỡ chữ nhỏ. HS chép vào vở khổ thơ cuối của bài thơ. GV lưu ý HS xuống dòng sau mỗi câu thơ, viết hoa chữ cái đầu mỗi dòng thơ.  - GV quan sát và sửa lỗi cho HS.  **6. Củng cố, dặn dò**  - GV lưu ý HS thực hành giao tiếp ở nhà, đọc cho người thân trong gia đình hoặc bạn bè khổ đầu của bài thơ Tết đang vào nhà.  - GV cũng có thể khuyến khích HS sưu tầm tranh ảnh về các loài vật, về ngày Tết truyền thống của dân tộc. | -Hs chơi  -HS thảo luận  - HS trình bày kết quả thảo luận nhóm.  - HS đọc  -Hs trả lời  -Hs lắng nghe    -Hs lắng nghe  -Hs đọc  - HS trả lời  - HS trả lời  - HS trả lời  - HS trả lời  -HS thực hiện  -HS trình bày kết quả  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe, viết  -HS thực hiện  -HS lắng nghe |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Ngày soạn: 03/01/2021 Ngày dạy: Thứ ba/05/01/2021

**Tiếng việt**

**BÀI 183 + 184: ÔN TẬP – Trang 176**

**I.MỤC TIÊU**

- Ôn lại các vần đã học

- Củng cố và mở rộng vốn từ ngữ (thông qua những từ ngữ chỉ loài vật, loài hoa); có thêm hiểu biết về tự nhiên và xã hội.

- Củng cố kĩ năng đọc thành tiếng một văn bản ngắn có chứa âm, vần đã học.

- Củng cố kĩ năng chép chính tả một đoạn ngắn (có độ dài khoảng 12 -15 chữ).

- Bồi dưỡng cảm xúc và tình yêu đối với thiên nhiên và cuộc sống.

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC**

-Quan sát, thảo luận nhóm, luyện tập, thực hành,…

**III.PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

- Nắm vững đặc điểm phát âm của âm, vần; cấu tạo, quy trình và cách viết các chữ ghi âm, vần; nghĩa của các từ ngữ trong bài học (từ tuần 1 đến tuần 16) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này như lấm tấm (có nhiều hạt nhỏ xuất hiện trên bề mặt. Ví dụ: trán lấm tấm mồ hôi); trám ngâm (đang suy nghĩ về một việc gì đó. Ví dụ: vẻ mặt trầm ngâm).

- Chú ý hiện tượng một âm được ghi bằng nhiều con chữ (âm "cờ" được ghi bằng 2 con chữ c/ k (xê/ ca); âm "gờ" được ghi bằng hai con chữ: g/ gh (gờ đơn - gờ một chữ, gờ kép - gờ hai chữ); âm “ngờ" được ghi bằng 2 con chữ: ng, ngh (ngờ đơn ngờ hai chữ/ ngờ kép - ngờ ba chữ).

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TIẾT 1**  **1. Ôn và khởi động**  - HS hát chơi trò chơi  **2. Viết**  - GV yêu cầu HS đọc nhẩm một lần các số.  - GV hướng dẫn HS viết vào vở các từ chỉ số. Ví dụ: 0: không. Mỗi số viết 1 lần.  - GV quan sát, sửa lỗi cho HS.  **3. Tìm từ**  -Tìm từ có cùng vần với mỗi từ chỉ số GV  có thể sử dụng nhiều hình thức hoạt động khác nhau cho nội dung dạy học này.  **4. Luyện chính tả**  Tiếng được viết bắt đầu bằng c, k.  + GV gắn thẻ chữ c, k lên bảng.  + GV đọc, HS đọc nhẩm theo.  + HS làm việc nhóm đôi: tìm những tiếng được viết bắt đầu bằng c, k.  + Đại diện nhóm trình bày kết quả trước lớp (đoc tiếng tìm được, phân tích cấu tạo của tiếng).  - Tiếng được viết bắt đầu bằng g, gh.  Các bước thực hiện tương tự như c, k.  - Tiếng được viết bắt đầu bằng ng, ngh.  Các bước thực hiện tương tự như c, k.  HS viết các tiếng tìm được vào Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập một + 2 tiếng được viết bắt đầu bằng c, k.  + 2 tiếng được viết bắt đầu bằng g, gh  + 2 tiếng được viết bắt đầu bằng ng, ngh.  -GV quan sát, sửa lỗi cho HS.  **TIẾT 2**  **5. Đọc**  - GV đọc mẫu.  - GV giải thích nghĩa từ ngữ (nếu cần).  - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng cả đoạn (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV.  - GV hỏi HS một số câu hỏi về nội dung đã đọc:  Có những loài hoa nào được nói tới trong đoạn văn?  Theo em, đoạn văn miêu tả cảnh vật vào mùa nào trong năm? Vì sao em biết?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **6. Tìm trong đoạn văn Mùa xuân đến những tiếng cùng van với nhau**  - GV yêu cầu HS đọc thầm cả đoạn, tìm tiếng có vần giống nhau (lâm - tấm, chào mào, trầm ngâm,..). Lưu ý: HS không nhất thiết phải tìm ra tất cả các tiếng cùng van với nhau.  - GV hỏi HS về các tiếng có vần giống nhau:  Những câu nào có tiếng chứa vấn giống nhau?  Những tiếng nào có vấn giống nhau?  Hãy phân tích cấu tạo của tiếng lâm và tấm...  GV thực hiện tương tự với các câu còn lại.  **7. Tìm trong và ngoài đoạn văn tiếng có vần anh, ang**  - Tìm những tiếng trong đoạn văn có vần anh, ang.  + GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi và thảo luận các câu hỏi sau: Những câu nào có vẫn anh? Những câu nào có vấn ang? Hãy phân tích cấu tạo của tiếng có vần anh/ ang  + Các nhóm trình bày kết quả trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của các nhóm.  - Tìm những tiếng ngoài đoạn văn có vần anh, ang.  + Nhóm đôi thảo luận theo yêu cầu của GV: Tìm các tiếng ngoài đoạn văn có vần anh, ang. Sau đó chia sẻ kết quả với nhóm khác để điều chỉnh, bổ sung số lượng tiếng có vần anh, ang của nhóm mình.  + Đại diện nhóm trình bày kết quả trước lớp.  + GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của các nhóm.  **8. Củng cố**  - GV khen ngợi, động viên HS, lưu ý HS ôn lại các âm, vấn xuất hiện trong bài ôn.  - GV cũng có thể khuyến khích HS sưu tầm tranh ảnh vẻ mùa xuân. | -Hs chơi  -HS đọc  -HS viết  -HS lắng nghe  - HS tìm  -Hs lắng nghe và quan sát  -Hs đọc  - HS thảo luận  -Hs trình bày  -Hs lắng nghe, quan sát  -HS thực hiện  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  -HS đọc  - HS trả lời  - HS lắng nghe .  - HS đọc  - HS trả lời  - HS trả lời  - HS phân tích  - HS trao đổi.  - HS trình bày.  - HS lắng nghe.  - HS trả lời.  - HS trao đổi.  - HS trình bày.  -Hs lắng nghe |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 03/01/2021 Ngày dạy: Thứ tư/06/01/2021

**Tiếng việt**

**BÀI 185 + 186: ÔN TẬP – Trang 178**

**I.MỤC TIÊU**

- Ôn lại các vần đã học

- Củng cố và mở rộng vốn từ ngữ (thông qua những từ ngữ chỉ loài vật); có thêm hiểu biết về tự nhiên và xã hội.

- Củng cố kĩ năng đọc thành tiếng một văn bản ngắn có chứa âm, vần đã học.

- Củng cố kĩ năng chép chính tả một đoạn ngắn (có độ dài khoảng 12 -15 chữ).

- Bồi dưỡng cảm xúc và tình yêu đối với thiên nhiên và cuộc sống.

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC**

-Quan sát, thảo luận nhóm, luyện tập, thực hành,…

**III.PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

- Nắm vững đặc điểm phát âm của những vấn đã học; cấu tạo, quy trình và cách viết các chữ ghi những vấn này. Chú ý hiện tượng một vần (cũng như âm) được ghi bằng nhiều con chữ. Bên cạnh đó, GV cần có kiến thức cơ bản về văn học (mối quan hệ giữa nhân vật và hành động của nhân vật trong truyện) để hướng dẫn HS trao đổi và trả lời câu hỏi,

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **TIẾT 1**  **1. Ôn và khởi động**  - HS hát chơi trò chơi  - GV cho HS xem một số tranh về hổ, voi, khỉ. Sau đó hỏi HS: Trong những câu chuyện đã đọc về loài vật, em thấy hổ là con vật thế nào? Voi là con vật thế nào? Khỉ là con vật thế nào?  - GV giới thiệu tranh trong SHS: trong bức tranh này có 3 nhân vật: voi, khi và hổ. Em có thấy có điều gì đặc biệt?  **2. Đọc câu chuyện sau**  VOI, HỔ VÀ KHỈ  Thua hổ trong một cuộc thi tài, voi phải nộp mạng cho hổ. Khi bày mưu giúp voi. Khi cưỡi voi đi gặp hổ. Đến điểm hẹn, khỉ quát lớn:  Hổ ở đâu?  Voi tỏ vẻ lễ phép:  Thưa ông, hổ sắp tới rồi ạ.  Hổ ngồi trong bụi cây nhìn ra. Thấy voi to lớn mà sợ một con vật nhỏ bé, hổ sợ quá, liền bỏ chạy.  (Phỏng theo Truyện cổ dân gian Khơ-me)  - GV đọc toàn bộ câu chuyện,  - 5- 6 HS đọc nối tiếp.  - 1-2 HS đọc toàn bộ câu chuyện.  - GV nhận xét theo một số tiêu chí: đọc đúng, lưu loát, trôi chảy, giọng đọc to, rõ ràng, biết ngắt nghỉ sau dấu câu.  **3. Trả lời câu hỏi**  Hình thức tổ chức: nhóm đôi.  - GV yêu cầu các nhóm thảo luận về 3 câu hỏi trong SHS. Từng thành viên trong nhóm trình bày quan điểm của mình. Mỗi nhóm có thể tham khảo ý kiến của nhóm khác để bổ sung, điều chỉnh kết quả của nhóm mình.  - Các nhóm trình bày kết quả thảo luận.  - GV nhận xét, đánh giá kết quả của các nhóm.  **TIẾT 2**  **4. Đọc**  Nắng xuân hồng  - GV đọc thành tiếng một lần bài thơ, HS đọc nhẩm theo.  - GV giải thích nghĩa từ ngữ từng không (nếu cán): khoảng không gian bao trùm cảnh vật và con người.  - 5 -6 HS đọc nối tiếp.  - 1- 2 HS đọc toàn bộ bài thơ,  - Cả lớp đọc đồng thanh một lần.  - GV hỏi HS một số câu hỏi về nội dung đã đọc:  +Những cảnh vật nào được nói tới trong bài thơ?  +Tìm từ ngữ miêu tả bảy chim. Từ "lung linh” dùng để miêu tả sự vật gì? Hai  tiếng trong từ “rộn rã” có điểm gì giống và khác nhau?  +Hai tiếng trong từ "lung linh"  có điểm gì giống và khác nhau (giống: giống nhau về âm r/k khác nhau về vần và dấu thanh).  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **5. Viết chính tả**  - GV yêu cầu HS chép đoạn văn vào vở.  - GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu tiên của đoạn và chữ cái đầu tiên của câu; khoảng cách giữa các chữ, cỡ chữ,  - GV quan sát và sửa lỗi cho HS.  **6. Củng cố, dặn dò**  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - GV nhắc một số từ ngữ xuất hiện trong bài thơ Nắng xuân hồng (lung linh, rộn rã, hớn hở), cho HS đặt câu với những từ ngữ đó.  - GV khuyến khích HS kể cho người thân trong gia đình hoặc bạn bè chuyện Voi, hổ và khi. | -Hs chơi  -HS trả lời  -Hs lắng nghe  -HS lắng nghe  - HS đọc  - HS đọc  -Hs lắng nghe  - HS thảo luận  -Hs lắng nghe  -Hs trình bày kết quả  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe  -HS đọc  -HS đọc  -HS đọc  -HS trả lời  -HS trả lời  -HS trả lời  -HS trả lời  -HS viết  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 05/01/2021 Ngày dạy: Thứ năm/07/01/2021

**Tiếng việt**

**BÀI 187 + 188: ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU:**

- Đọc, viết được các vần, từ ngữ, câu ứng dụng đã học. Nghe hiểu bài thơ “Hoa giấy”, “Đàn kiến”.

- Rèn tư thế đọc đúng. Biết ghép vần tạo tiếng. Viết đúng: Đào lốm đốm những nụ phớt hồng.

- Biết đọc trơn, bước đầu nhận biết một số từ qua tranh ảnh**.**

- Giáo dục học sinh sống tốt bụng với mọi người

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC**

-Quan sát, thảo luận nhóm, luyện tập, thực hành,…

**III.PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC**

-Giáo viên: Bảng ôn vần. Tranh kể chuyện

-Học sinh: SGK, bảng, vở

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TIẾT 1**  **1.** **Ổn định**:  **2.** **Bài cũ**:  - Gọi hs đọc từ: vở kịch, vui thích, mũi hếch, chênh chếch. NX  - Đọc câu thơ ứng dụng: “Tôi là chim chích … có ích ”. NX  - Nhận xét  **3. Bài mới**  **a. Giới thiệu bài.**  **b. Đọc**  Đưa khung đầu bài và tranh minh hoạ:  - Quan sát tranh vẽ: Tranh vẽ gì?  -GV giới thiệu bài: Hoa giấy.  -GV đọc mẫu  - Yêu cầu HS nêu tiếng khó đọc.  -Cho HS đọc nối tiếp.  - Yêu cầu HS nêu tiếng khó hiểu.  -Chia làm mấy khổ thơ?  -GV cho HS đọc nối tiếp đoạn  -Nắng không bạc màu, mưa không ướt nhàu?  -Cho Hs luyện đọc đoạn.  -Cho HS thi đọc.  -GVNX  **c. Điền vào chỗ trống**  - Giáo viên đọc mẫu: “Đàn kiến”.  - Cho vài HS đọc  - Cả lớp đọc  - Gv hỏi: Khi phát hiện mẩu bánh rơi, kiến như thế nào?  -Gv yêu cầu HS điền vào câu a.  - Gv hỏi: Kiến báo tin cho nhau bằng cách nào?  -Gv yêu cầu HS điền vào câu a.  -GV yêu cầu HS luyện đọc lại bài.  **TIẾT 2**  **d. Viết**  -GV chép mẫu: Đào lốm đốm những nụ phớt hồng. Mùa xuân đã đến.  (Theo Vũ Tú Nam)  -GV đọc mẫu  -Hoa đào có màu gì?  -Yêu cầu HS nêu từ khó viết  -Cho Hs phân tích từ và viết bảng.  - Nhắc tư thế ngồi viết, chú ý viết đúng đẹp  -GV đọc lại cho Hs soát lỗi.  **e.** **Bài tập**  Chọn chữ phù hợp với ô vuông:  a. c hay k? con …á chữ …í  b. ng hhay ngh? con …é …õ nhỏ  c. g hay gh? ghế …ỗ con …ẹ  - GV hướng dẫn HS làm bài theo quy tắc.  - k thì đi kèm với âm nào?  - ngh thì đi kèm với âm nào?  - gh thì đi kèm với âm nào?  - Cho HS làm vào vở.  - GV NX  **4.** **Củng cố**, **dặn dò**  - Đọc lại bài SGK  - NX tiết học | -Hát  - 2 học sinh đọc  - 3 học sinh đọc  ĐT-CN  -Vẽ hoa giấy đang nở.  -Vài HS đọc lại, Cả lớp đọc.  -HS nêu: màu, nhàu, giấy, phai.  -Hs đọc nối tiếp.  -Hs nêu  -2 khổ  -Hs đọc  -Hoa giấy.  - HS luyện đọc  -Hs thi đọc  - HS nghe  - HS đọc  - cả lớp đọc  -HS trả lời: Khi phát hiện mẩu bánh rơi, kiến bò quanh mẩu bánh.  -Hs điền.  - Kiến báo tin cho nhau bằng cách chạm râu để báo tin.  -Hs điền.  - CN-ĐT  -Vài HS đọc  -Màu phớt hồng.  -Hs nêu: mẩu bánh, râu, xúm xít.  -HS viết bảng con.  -Hs nhìn bảng và chép vào vở.  -Hs dò, sửa lỗi.  -HS đọc yêu cầu  - k thì đi kèm với âm i, e, ê.  - ngh thì đi kèm với âm i,e,ê  - gh thì đi kèm với âm i,e,ê.  - Hs làm  -Hs đọc bài  - Hs lắng nghe |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

Ngày soạn: 06/01/2021 Ngày dạy: Thứ sáu/08/01/2021

**Tiếng việt:**

**BÀI 189 + 190: KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TUẦN 19**

Ngày soạn: 09/1/2021 Ngày giảng: T2/11/1/2021

Ngày giảng: Thứ 3/12/01/2021

**Tiếng việt**

**CHỦ ĐIỂM 1: TÔI VÀ CÁC BẠN**

**Bài 191 + 192 + 193 + 194**

**TÔI LÀ HỌC SINH LỚP 1 – Trang 4 + 5 + 6**

**I. MỤC TIÊU**

Giúp HS :

**1. Phát triển kĩ năng đọc** thông qua việc đọc đúng, rõ rằng một VB tự sự đơn giản, người viết tự giới thiệu về mình; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi về nhân vật; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh về một số hoạt động quen thuộc (đá bóng, đọc sách, kéo co, múa) và suy luận từ tranh được quan sát .

**2. Phát triển kĩ năng viết** thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc: hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn ngắn .

**3. Phát triển kĩ năng nói và nghe** thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh, về những gì các em thích và không thích cũng như những thay đổi của các em từ khi đi học .

**4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung**: tình yêu đối với bạn bè, thầy cô và nhà trường; sự tự tin, khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc của bản thân.

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

-Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm vai, thực hành, suy ngẫm

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**

**1.1. Kiến thức ngữ văn**

- GV nắm được đặc điểm VB tự sự , người viết tự giới thiệu về mình ; nội dung của VB Tôi là học sinh lớp 1 ( lời kể của cậu bé Nam , nói về bản thân mình từ ngày đi học đến nay ) –

- GV nắm được kĩ năng giới thiệu bản thân trước nhiều người để có thể làm mẫu hoặc hướng dẫn cho HS ( mắt nhìn vào người đối thoại , gương mặt tươi cười , biểu cảm tự tin , nói năng mạch lạc , ... ) .

- GV nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB ( đồng phục , hãnh diện , chững chạc ) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này .

**1.2. Kiến thức đời sống**

- GV nắm được những thay đổi chung về tâm sinh lí của HS lớp 1 từ ngày bắt đầu khai giàng đến hết học kì I. Quan sát kĩ từng em để thấy được sự tiến bộ ở từng cá nhân , để giúp các em nói về bản thân trước lớp theo yêu cầu bài học . Qua đó , GV có biện pháp khích lệ , giúp đỡ các em hoàn thiện bản thân .

**1.3. Phương tiện dạy học**

Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm dạy chữ , máy chiếu , màn hình , bảng thông minh . Có thể sưu tầm những clip giới thiệu về bản thân của HS tiểu học để trình chiểu trước lớp .

**2. Học sinh**

- SHS, VBT, tập viết, vở oly.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động.** | |
| + GV yêu cầu HS nói về những điều các em thích hoặc không thích từ khi đi học đến nay qua các câu hỏi giúp HS nói được nhiều hơn về bản thân, về sở thích, mong ước cá nhân:  + Các em đã học một học kì, các em thấy đi học có vui không ?  + Em thân nhất với bạn nào trong lớp; Đồ ăn ở trường có ngon không? Em thích nhất món nào?  + Đi học mang lại cho em những gì? Em có thay đổi gì so với đầu năm học : Em không thích điều gì ở trường….(Có thể chiếu clip về những đoạn giới thiệu bản thân của HS lớp 1 mà GV đã chuẩn bị).  + GV nhắc lại một số câu trả lời của HS, sau đó dẫn vào bài đọc.  *Tôi là học sinh lớp 1* | + Một số ( 2 - 3 ) HS trả lời câu hỏi, Các HS khác có thể nhận xét, bổ sung hoặc có câu trả lời khác.  + Hs nghe và nhắc lại đầu bài học. |
| **2. Đọc** | |
| **- GV đọc mẫu toàn VB .**  **- HS đọc câu .**  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1.  + GV hướng dẫn HS đọc một số từ ngữ có thể khó đối với HS (*hãnh diện, truyện tranh, ... ).*  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 2  + GV hướng dẫn HS đọc những câu dài.  ( VD : *Tôi tên là Nam , / học sinh lớp 1A,/ Trường Tiểu học Lê Quý Đôn*, ... )  **- HS đọc đoạn.**  + GV chia VB thành các đoạn (*đoạn 1: từ đầu… đến hãnh diện lắm, đoạn 2: phần còn lại .*  + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn lần 1.  + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn lần 2.  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó trong bài (*đồng phục*: quần áo được may hàng loạt cùng một kiểu dáng, cùng một màu sắc theo quy định của một trường học, cơ quan, tổ chức; *hãnh diện*: vui sướng và tự hào , *chững chạc* : đàng hoàng, ở đây ý nói: có cử chỉ và hành động giống như người lớn).  + HS đọc đoạn theo nhóm 2.  + Thi đọc giữa các nhóm.  + GV và HS Nhận xét các nhóm đọc bài.  **- HS và GV đọc toàn VB.**  \*GV lưu ý HS khi đọc văn bản, hãy "nhập vai” coi mình là nhân vật Nam, giọng đọc biểu lộ sự sôi nổi, vui vẻ và hào hứng.  + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi.  **\*Chốt chuyển tiết.** | + Hs đọc nối tiếp câu lần 1.  + HS đọc từ khó đọc.  + Hs đọc nối tiếp câu lần 2.  - HS đánh dấu đoạn đã chia.  - HS đọc đoạn lần 1.  - HS đọc đoạn lần 2.  - HS nghe và nhắc lại các từ vừa giải nghĩa.  - Luyện đọc nhóm 2  - Thi đọc nhóm.  - Nghe và nhận xét các nhóm cùng GV.  +1 - 2 HS đọc thành tiếng cả VB |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Trả lời câu hỏi** | |
| - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi.  + Hs hoạt động thảo luận nhóm 3 và TLCH.  *a. Bạn Nam học lớp mấy ?*  *b. Hồi đầu năm , Nam học gì ?*  *c. Bây giờ , Nam biết làm gì ?*  - GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình .  - Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  (a. Nam học lớp 1; b. Hồi đầu năm học, Nam mới bắt đầu học chữ cái; c. Bây giờ, Nam đã đọc được truyện tranh, biết làm toán. ). | + Thảo luận nhóm 3.  - HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi về bức tranh minh hoạ và câu trả lời cho từng câu hỏi .  + Lắng nghe và các nhóm đại diện trả lời câu hỏi.  + Các nhóm nhận xét lẫn nhau. |
| **4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a ở mục 3** | |
| - GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi a ( có thể trình chiếu lên bảng để HS quan sát ) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở.  **Ghi bảng**: *Nam học lớp 1.*  - GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu (đồng thời cũng là tên riêng); đặt dấu chấm cuối câu . GV hướng dẫn HS tô chữ V viết hoa, sau đó viết cấu vào vở . Khi viết câu, GV cho HS tự chọn viết chữ N viết hoa hoặc chữ in hoa (mẫu chữ in hoa, xem ở phấn đầu vở Tập viết). Nên khuyến khích HS viết chữ in hoa cho đơn giản.  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS. | - HS quan sát và viết câu trả lời vào vở bài tập.   * HS viết theo hướng dẫn |

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở** | |
| - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất câu hoàn thiện.  Nam rất hãnh diện khi được cô giáo khen.  - GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở . GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS | - HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.  - Một số nhóm trình bày kết quả.  - HS viết câu hoàn chỉnh vào vở. |
| **6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ để nói theo tranh** | |
| - GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh . GV yêu cầu HS làm việc nhóm , quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh , có dung các từ ngữ đã gợi ý  + Thảo luận nhóm 4.  - GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh, (VD: tranh 1, có thể nói: Các bạn chơi đá bóng rất hào hứng / Em rất thích chơi đã bóng cùng các bạn; tranh 2: Em thích đọc sách Đọc sách rất thú vị, ...)  - GV và HS đại diện các nhóm nhận xét . | - HS làm việc nhóm , quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh , có dung các từ ngữ đã gợi ý  + Các nhóm làm việc thảo luận.  - HS trình bày kết quả nói theo tranh |
| **Tiết 4** | |
| **7. Nghe viết** | |
| - GV đọc to cả hai câu. *(Nam đã đọc được truyện tranh. Nam còn biết làm toán nữa. )*  - GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết :  + Viết lùi đầu dòng, viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu có dấu chấm.  + Chữ dễ viết sai chính tả: truyện tranh, làm, nữa.  - GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế , cầm bút đúng cách . Đọc và viết chính tả :  + GV đọc câu theo từng cụm từ cho HS viết. *(Nam/ đã đọc được/ truyện tranh./. Nam/ còn biết/ làm toán nữa. )*.  + Sau khi HS viết chính tả , GV đọc lại một lần cả câu và yêu cầu HS rà soát lỗi .  + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS. | HS chú ý  - HS ngồi đúng tư thế , cầm bút đúng cách  - HS viết: Nam đã đọc được truyện tranh, Nam còn biết làm toán nữa.  + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi . |
| **8. Chọn chữ phù hợp thay cho bông hoa** | |
| - GV có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu. GV nêu nhiệm vụ .  - GV yêu cầu một số ( 2 - 3 ) HS lên trình bày kết quả trước lớp (có thể điền vào chỗ trống của từ ngữ được ghi trên bảng).  - GV yêu cầu một số HS đọc to các từ ngữ. Sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần. | - HS làm việc nhóm đối để tìm những chữ phù hợp  - HS lên trình bày kết quả trước lớp (có thể điền vào chỗ trống của từ ngữ được ghi trên bảng).  - HS đọc to các từ ngữ . Sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần. |
| **9. Chọn ý phù hợp để nói về bản thân em** | |
| - Đây là phần luyện nói theo những gợi ý cho sẵn .  - GV giải thích. VD: Từ khi đi học lớp 1, em thức dậy sớm hơn, …....  + HS đọc thầm các nội dung trong SGK , sau đó thảo luận nhóm. GV gọi một vài HS trình bày trước lớp. | HS tự chọn các ý đúng với bản thân và nói lại câu hoàn chỉnh với các bạn ( không cần phải lấy tất cả các ý)  + HS trình bày trước lớp . |
| **10. Củng cố** | |
| - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học .  - GV tóm tắt lại những nội dung chính.  - GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học .    - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS. | + HS nhắc lại ND.  + HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào ) |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 11/1/2021 Ngày giảng: T4/13/1/2021

Ngày giảng: T5/14/1/2021

**Tiếng việt**

**CHỦ ĐIỂM 1: TÔI VÀ CÁC BẠN**

**Bài 195 + 196 + 197 + 198**

**ĐÔI TAI XẤU XÍ – Trang 8 + 9 + 10 + 11**

**I. MỤC TIÊU**

Giúp HS :

**1. Phát triển kĩ năng đọc** thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một câu chuyện ngắn và đơn giản, có dẫn trực tiếp lời nhân vật; đọc đúng các vấn uây, oang, 1 / uyt và những tiếng, từ ngữ có các vần này; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận tử tranh được quan sát.

**2. Phát triển kĩ năng viết** thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn ngắn .

**3. Phát triển kĩ năng nói và nghe** thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

**4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung**: tự tin vào chính mình , khả năng làm việc nhóm; khả năng nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

- Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm vai, thực hành, suy ngẫm

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**

**1.1. Kiến thức ngữ văn**

- GV nắm được đặc điểm của VB ( truyện có dân trực tiếp lời nhân vật ); nội dung của VB Đôi tai xấu xí, cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện. GV nắm được đặc điểm phát âm và cấu tạo của các vần uây, oang, uyt; nghĩa của các từ ngữ khó trong VB ( động viên, quên khuấy, suỵt, tấm tắc) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**1.2. Kiến thức đời sống**

- GV hiểu được vẻ ngoài không bình thường ( thậm chí xấu xí ) của một số động vật và vai trò của điểm khác thường đó. Chẳng hạn: Cái bướu của lạc đà và chức năng dự trữ năng lượng; cái sừng lớn, sắc nhọn của tê giác và vai trò làm vũ khí tấn công kẻ thù; cái túi của kang - gu - ru như cái nôi bảo vệ an toàn cho đàn con cái túi cổ họng của bồ nông, nơi chứa đựng thức ăn và nước uống; cái cổ dài quá cỡ của hươu cao cổ giúp nó có thể ăn được là cây keo ở độ cao mà hầu hết động vật ăn cỏ khác không thể với tới.

- GV hiểu tập tính của mèo để hướng dẫn HS làm bài tập hoàn thiện câu bằng cách chọn từ ngữ trong khung điền vào chỗ trống. (Tai của mèo có 30 cơ khác nhau, cho phép xoay theo nhiều hướng khác nhau. Khi nghe âm thanh nào đó, tai mèo sẽ xoay về hướng phát ra âm thanh hoặc dựng hẳn lên).

**1.3. Phương tiện dạy học**

Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm dạy chữ, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

**2. Học sinh**

- SHS, VBT, tập viết, vở oly.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**TIẾT 1.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động** | |
| - Ôn : HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó .  - Khởi động :  + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi trong nhóm về điểm đặc biệt của mỗi Con vật trong tranh  + GV gọi một số ( 2 - 3 ) HS trình bày kết quả trước lớp .  + GV và HS thống nhất câu trả lời.  \*GV dẫn vào bài đọc Đôi tai xấu xí.  - GV cho HS dựa vào nhan đề và tranh minh hoạ để suy đoán một phần nội dung của VB - GV : Các em nhìn tranh và nói xem đôi tai xấu xí là của ai .  GV : Các em có nghĩ là đôi tai của thỏ con thực sự xấu không ?  GV : Vì sao các em nghĩ vậy ? | HS thực hiện  + HS quan sát tranh và trao đổi trong nhóm về điểm đặc biệt của mỗi Con vật trong tranh  + HS trình bày kết quả trước lớp . Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác.  + Tranh 1, 2, 3 vẽ Lạc đà, Tê giác, Kanguru. Lạc đà có cái bướu to ở trên lưng, cái bướu là nơi dự trữ năng lượng, giúp lạc đà vượt quãng đường dài mà không cần ăn uống gì cả. Tê giác có cái sừng to và nhọn ngay trước mạt nó trở thành vũ khí lợi hại khi gặp kẻ thù hoặc nguy hiểm. Kanguru (thú có túi) đeo một cái túi trước bụng cái túi giúp mẹ đựng con khi di chuyển.  + HS dựa vào nhan đề và tranh minh hoạ để suy đoán.  + HS: Đôi tai xấu xí là của thỏ con.  + HS : Có. Không  + HS: Theo ý hiểu của mỗi học sinh……. |
| **2. Đọc** | |
| - GV đọc mẫu toàn VB. Chú ý đọc đúng lời người kể và lời nhân vật, ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ . GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ có vần mới .  + GV đưa những từ ngữ này lên bảng và hướng dẫn HS đọc . GV đọc mẫu lần lượt từng văn và từ ngữ chửa vần đó  - HS đọc theo đồng thanh  + Một số ( 2 - 3 ) HS đánh vần , đọc trơn , sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần .  - HS đọc câu .  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1. GV hướng dẫn HS đọc một số từ ngữ tuy không chứa vẫn mới nhưng có thể khó đối với HS.  + Một số HS đọc nối tiếp từng cầu lần 2. + + GV hướng dẫn HS đọc những câu dài.  (VD: Một lần,/ thỏ và các bạn/ đi chơi xa,/ quên khuấy đường về.// )  - HS đọc đoạn .  + GV chia VB thành các đoạn *(đoạn 1: từ đầu đến rất đẹp, đoạn 2: từ Một lần đến thật tuyệt, đoạn 3: phần còn lại ).*  + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn, 2 lượt  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài (động viên: làm cho người khác vui lên; quên khuấy: quên hẳn đi, không nghĩ đến nữa; suỵt; tiếng nói có thể kèm theo cử chỉ để nhắc người khác im lặng; tấm tắc: luôn miệng khen ngợi).  + HS đọc đoạn theo nhóm 3.  + Thi đọc nhóm 3.  - GV và hs nhận xét các nhóm và tuyên dương.  - HS và GV đọc toàn VB .  + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi.  **\*Chốt chuyển tiết.** | + HS làm việc nhóm đối để tìm từ ngữ có tiếng chữa vần mới trong VB : uây, uang uyt (quên khuấy, hoảng sợ, …..).  - HS đánh vần , đọc trơn , sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần.  + HS đọc nối tiếp từng câu lần 1  + HS đọc nối tiếp từng cầu lần 2.  + Hs lắng nghe GV chia đoạn đánh dấu.  + HS đọc nối tiếp từng đoạn 2 lần.  + HS lắng nghe GV giải nghĩa.  + HS đọc đoạn theo nhóm 3.  + 3 nhóm thi đọc bài.  - Nhận xét nhóm đọc bài.  - 1- 2 HS đọc thành tiếng toàn VB. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Trả lời câu hỏi** | |
| - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 3 để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi.    a. Vì sao thỏ buồn ?  b. Chuyện gì xảy ra trong lần thỏ và các bạn đi chơi xa ?  c. Nhờ đâu mà cả nhóm tìm được đường về nhà  - GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình . Các nhóm khác nhận xét , đánh giá .  - GV và HS thống nhất câu trả lời, (a. Thỏ buồn vì bị bạn bè chê đôi tai vừa dài vừa to; b. Trong lần đi chơi xa, thỏ và các bạn đã quên khuấy đường về; c. Cả nhóm tìm được đường về nhà nhờ đôi tai thỉnh của thỏ) | - HS làm việc nhóm 3 (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi về bức tranh minh hoạ và câu trả lời cho từng câu hỏi.  - đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình . Các nhóm khác nhận xét , đánh giá .  a.Thỏ buồn vì bị bạn bè chê đôi tai vừa dài vừa to.  b.Trong lần đi chơi xa, thỏ và các bạn đã quên khuấy đường về.  c.Cả nhóm tìm được đường về nhà nhờ đôi tai thính của thỏ. |
| **4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi c ở mục 3** | |
| - GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi c (có thể trình chiếu lên bảng để HS quan sát) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở (c. Cả nhóm tìm được đường về nhà nhờ đội tại thỉnh của thỏ.) GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu; đặt dấu chấm, dấu phẩy đúng vị trí.  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS. | HS quan sát và viết câu trả lời vào vở.  **Cả nhóm tìm được đường về nhà nhờ đôi tai thính của thỏ.** |

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện cầu và viết câu vào vở** | |
| - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 2 để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất câu hoàn chinh. (Chú mèo dỏng tai nghe tiếng chít chít của lũ chuột . )  - GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở . GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS | + HS làm việc nhóm 2 để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.  + HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.  **Chú mèo dỏng tai nghe tiếng chít chít của lũ chuột.** |
| **6. Quan sát tranh và kể lại câu chuyện Đôi tai xấu xí** | |
| \*GV hướng dẫn HS quan sát, phân tích tranh, tìm những ý trong câu chuyện tương ứng với mỗi tranh. Lưu ý HS dùng các từ ngữ động viên, quên khuấy, tấm tắc khi kể lại truyện.  - GV hướng dẫn HS phân vai kể toàn bộ câu chuyện. 1 HS là người dẫn chuyện, 1HS là thỏ con, 1HS là thỏ bố, 1HS là bạn của thỏ. Theo nhóm 4.  - Gọi 3 nhóm thi kể phân vai toàn bộ câu chuyện. GV kết hợp hd hs giọng điệu cử chỉ khi kể, giúp đỡ các nhóm hs kể.  - GV và HS khác nhận xét đúng tư thế,  điệu bộ khi kể của các nhóm. Tuyên dương nhóm kể hay và đúng nhất theo yêu cầu của câu chuyện. | + HS kể nối tiếp theo từng tranh. Chú ý ở ngữ điệu, cử chỉ khi kể.  + HS phân vai kể toàn bộ câu chuyện: 1 HS là người dẫn chuyện, 1HS là thỏ con, 1HS là thỏ bố, 1HS là bạn của thỏ. Theo nhóm 4.  - Nhóm thi kể và kể theo HD của GV.  - Lắng nghe và nhận xét nhóm. |

**TIẾT 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **7. Nghe viết** | |
| GV đọc to hai câu. (Các bạn cùng thỏ đi theo hướng có tiếng gọi. Cả nhóm về được nhà.) GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết.  + Viết lùi vào đầu dòng một ô ly lớn. Viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu có dấu chấm.  + Chữ dễ viết sai chính tả: hướng, tiếng được. Và GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.  Đọc và viết chính tả :  + GV đọc từng câu cho HS viết. Mỗi câu cần đọc theo từng cụm từ ( Các bạn cùng thỏ đi theo hướng có tiếng gọi. Cả nhóm /về được nhà.). Mỗi cụm từ đọc 2 - 3 lần. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS lớp 1 và tại địa phương.  + Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lần cả câu và yêu cầu HS rà soát lỗi.  + GV kiểm tra bài viết và nhận xét bài của một số HS. | + HS chú ý  + HS viết  + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi . |
| **8. Tìm trong hoặc ngoài bài đọc Đôi tai xấu xí từ ngữ có tiếng chứa vần uyt, it, uyêt, iêt.** | |
| - GV nêu nhiệm vụ và lưu ý HS từ ngữ cần tìm có thể có ở trong bài hoặc ngoài bài.  - HS nêu những từ ngữ tìm được. GV viết những từ ngữ này lên bảng .  - Một số ( 2 – 3 ) HS đánh vần, đọc trơn; mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ. Lớp đọc đồng thành một số lần. | - HS làm việc nhóm đôi để tìm và đọc thành tiếng từ ngữ có tiếng chứa các vấn uyt, it, uyêt, iêt.  + HS nêu các từ mà mình tìm được.  + HS đọc đánh vần, đọc trơn vần mới. |
| **9. Về con vật em yêu thích và đặt tên cho bức tranh em về** | |
| - GV hướng dẫn HS vẽ vào vở. Lưu ý HS vẽ điểm đặc trưng, dễ nhận diện con vật. VD: ria ( mèo ), cánh ( chim ), sừng trâu , mõm (lợn), vòi voi, ... HS đặt tên cho bức tranh vừa vẽ. ( Gợi ý: Mèo Tôm, Cún Bông, Chú Voi con, ... Bạn của tôi, Dũng sĩ diệt chuột, Người giữ nhà ... ).  - GV cho HS trao đổi sản phẩm để xem và nhận xét vẽ tranh và tên bức tranh mà bạn dā dāt . | + HS vẽ và đặt tên.  + HS trao đổi sản phẩm để xem và nhận xét vẽ tranh và tên bức tranh mà bạn dā dāt . |
| **10. Củng cố** | |
| - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.  - GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS. | - HS tóm tắt  - HS nêu ý kiến về bài học ( hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 13/1/2021 Ngày giảng: T6/15/1/2021

**Tiếng việt**

**CHỦ ĐIỂM 1: TÔI VÀ CÁC BẠN**

**BÀI 199 +200: BẠN CỦA GIÓ – Trang 12 + 13.**

**(Tiết 1 + 2)**

**I. MỤC TIÊU:**

Giúp HS:

**1.Phát triển kĩ năng đọc** thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một bài thơ, hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến nội dung bài thơ; nhận biết một số tiếng cùng vẫn với nhau, củng cố kiến thức về vần; thuộc lòng một khổ thơ và cảm nhận được vẻ đẹp của bài thơ qua vấn và hình ảnh thơ, quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

**2. Phát triển kĩ năng nói và nghe** thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

**3. Phát triển phẩm chất và năng lực chung**: tình yêu đối với bạn bè, với thiên nhiên; khả năng làm việc nhóm; khả năng nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt câu hỏi.

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

- Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm vai, thực hành, suy ngẫm

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**

**1.1. Kiến thức ngữ văn**

- GV nắm được đặc điểm vấn , nhịp và nội dung của bài thơ Bạncủa gió ; nghĩa của một số từ ngữ khó trong bài thơ ( lúa , hoài , vòm lá , biếc ) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này .

**1.2. Phương tiện dạy học.**

- Tranh minh hoạ có trong SGK được phóng to hoặc máy tính phần mểm phù hợp , máy chiếu , màn hình , bảng thông minh .

**2. Học sinh**

- SHS, VBT, tập viết, vở oly.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **1. Ôn và khởi động** | | |
| - Ôn : HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.  + Bài trước ta học bài gì?  + Qua bài học em hãy nói một số điều thú vị của bài học đó.  - Khởi động :  + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi:  a. Tranh về những vật gì ?  b. Nhờ đâu mà những vật đó có thể chuyển động?  + GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời , sau đó dẫn vào bài thơ Bạn của gió . | - HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.  + Đôi tai xấu xí.  + Điều thú vị là trong bất cứ mọi việc, hình dáng của bất kì con vật nào dù xấu hay đẹp nó cũng có chức năng khác nhau.  + HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời  + Một số ( 2 - 3 ) HS trả lời câu hỏi, Các HS khác Có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác.  - Tranh vẽ những vật sau: chong chóng, diều, tàu thuyền.  - Nhờ gió mà những vật này có thể chuyển động.  - Lắng nghe GV chốt. | |
| **2. Đọc** | | |
| - GV đọc mẫu toàn bài thơ. Chú ý đọc diễn cảm, ngắt nghi đúng nhịp thơ.  - HS đọc từng dòng thơ  + Một số HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 1.  + GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đối với HS ( *lùa, hoài, buồn, buồn, nước, thiếc ).*  + Một số HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 2.  \*GV hướng dẫn HS cách đọc, ngắt nghỉ đúng dòng thơ.  - Hướng dẫn HS đọc từng khổ thơ  + GV hướng dẫn HS nhận biết khổ thơ.  + Một số HS đọc nối tiếp từng khổ, 2 lượt.  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài thơ ( lùa: luồn qua nơi có chỗ trống hẹp; hoài: mãi không thôi, mãi không dứt; vòm lát nhiều cảnh lá trên cây đan xen nhau tạo thành hình khum khum úp xuống, biếc: xanh, trông đẹp mắt).  + HS đọc từng khổ thơ theo nhóm 4.  + Một số HS đọc khổ thơ, mỗi HS đọc một khổ thơ. Các bạn nhận xét, đánh giá .  - HS đọc cả bài thơ  + 1- 2 HS đọc thành tiếng cả bài thơ.  + Lớp học đồng thanh cả bài thơ. | + HS đọc nt dòng lần 1.  + Học sinh đọc từ khó, cá nhân, đồng thanh.  + HS đọc nt dòng lần 2.  + HS đọc  + HS nghe GV giải thích.  + 4 nhóm Hs thi đọc nt khổ thơ 3 lượt.  + HS đọc thành tiếng cả bài thơ.  + Lớp đọc đồng thanh. | |
| **3. Tìm trong hai khổ thơ cuối những tiếng cùng vần với nhau** | | |
| - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, cùng đọc lại hai khổ thơ cuối và tìm tiếng cùng vấn với nhau.  - GV yêu cầu một số HS trình bày kết quả . GV và HS nhận xét , đánh giá . GV và HS thống nhất câu trả lời *( khỉ - đi, lá - cả - ra, gió - gõ, vắng – lặng – chẳng, im - chim).*  + Cho Hs đọc lại các vần vần vừa tìm được. | HS viết những tiếng tìm được vào vở .  + HS trình bày kết quả.  - khỉ - đi, lá - cả - ra, gió - gõ, vắng – lặng – chẳng, im - chim.  - HS đọc cá nhân. | |
| **TIẾT 2** | | |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** | |
| **4. Trả lời câu hỏi** | | | |
| - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 3 để tìm hiểu bài thơ và trả lời các câu hỏi:    a . Ở khổ thư thứ nhất, gió đã làm gì để tìm bạn ?  b . Gió làm gì khi nhớ bạn ?    c . Điều gì xảy ra khi gió đi vắng ?.  - GV đọc từng câu hỏi và gọi một đại diện số nhóm HS trình bày câu trả lời. Các bạn nhận xét, đánh giá.  - GV và HS thống nhất câu trả lời. | | - HS làm việc nhóm 3 có thể đọc to từng câu hỏi, cùng nhau trao đổi và trả lời từng câu hỏi.  + Gió bay theo cánh chim, lùa trong tán lá.  + Khi nhớ bạn gió gõ cửa tìm bạn, đẩy sóng dâng cao, thổi căng buồm lớn.  + Khi gió đi vắng, lá buồn lặng im, vắng cả cánh chim, chẳng ai gõ cửa, buồm chẳng ra khơi.  + Nhận xét câu trả lời của bạn. | |
| **5. Học thuộc lòng** | | | |
| - GV treo bảng phụ hoặc trình chiếu bài thơ.  - GV hướng dẫn HS học thuộc lòng một khổ thơ bất kì bằng cách xoá, che dần một số từ ngữ trong khổ thơ này cho đến khi xoá / che hết .. Chú ý để lại những từ ngữ quan trọng cho đến khi HS thuộc lòng khổ thơ. | | - HS đọc thành tiếng bài thơ .  - HS nhớ và đọc thuộc cả những từ ngữ bị xoái che dần | |
| **6. Trò chơi Tìm bạn cho gió** ( Mục tiêu là mở rộng và tích cực hoá vốn từ cho HS, bước đầu tạo ấn tượng về cách gieo vần ). | | | |
| - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm. GV chuẩn bị sẵn thẻ từ ( gồm hình và chữ ) phát cho các nhóm, số lượng thẻ từ có thể từ 10 – 15 (bao gồm cả các phương án gây nhiễu). Hướng dẫn HS chọn các thẻ từ phù hợp để đinh vào cây từ ngữ trên bảng. GV kiểm tra kết quả và đánh giá các nhóm sau phần thi . Dựa vào các thẻ từ ngữ đã tìm được, HS có thể tập ghép vấn để tạo nên những câu thơ đơn giản: Mẫu: Gió thổi/ Mây bay Chong chóng xoay Cánh diều bay trong gió, ... | | + HS làm việc nhóm | |
| **7. Củng cố** | | | |
| - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học .  - GV tóm tắt lại những nội dung chỉnh .  - GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học .  - GV nhận xét , khen ngợi , động viên HS | | HS nểu ý kiến về bài học ( hiểu hay chưa hiểu , thích hay không thích , cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào ) . | |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TUẦN 20**

Ngày soạn: 16/01/2021 Ngày giảng: T2/18/01/2021

Ngày giảng: T3/19/01/2021

**Tiếng việt**

**TÔI VÀ CÁC BẠN**

**BÀI 201 + 202 + 203 + 204**

**GIẢI THƯỞNG TÌNH BẠN – Trang 14 + 15 + 16 + 17 .**

**I.MỤC TIÊU**

Giúp HS :

**1. Phát triển kĩ năng đọc** thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một câu chuyện ngắn và đơn giản, không có lời thoại, đọc đúng các vần oăng, oach, oac và các tiếng, từ ngữ có các vần này; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

**2. Phát triển ki năng viết** thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn ngắn.

**3. Phát triển kĩ năng nói và nghe** thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

**4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung**: sự quan tâm, giúp đỡ bạn bè; khả năng làm việc nhóm.

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

- Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm vai, thực hành, suy ngẫm

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

**1.1. Kiến thức ngữ văn**

- GV nắm được đặc điểm của VB ( truyện không có lời thoại ) ; nội dung của VB Giải thường tình bạn , cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện , GV được đặc điểm phát âm , cấu các oăng ca , cach ; nghĩa của ngữ khó trong VB ( vạch xuất phát , lấy đà , trọng tài , ngã vạch ) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này .

**1.2. Kiến thức đời sống.**

- GV có kiến thức về tâm lí của HS khi kết bạn và cách các em ứng xử với bạn.

**1.3. Phương tiện dạy học.**

-Tranh minh hoạ cỏ trong SHS ( tranh ngan vịt cứu gà; tranh bỏ học, chơi, ăn, vẽ cùng bạn ) được phóng to hoặc máy tính có phần mềm dạy chữ, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

**2. Học sinh**

- SHS, VBT, tập viết, vở oly.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Ôn và khởi động** | |
| - Ôn: HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.  - Khởi động :  + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để nói về những gì em thấy trong tranh.  + Tranh có những nhân vật nào ?  + Những nhân vật này đang làm gì ?  + GV thống nhất câu trả lời.  + GV dẫn vào bài đọc Giải thưởng tình bạn. Nội dung bức tranh chính là nội dun VB ta tìm hiểu qua bài học.  **Ghi bảng**: *Giải thưởng tình bạn.* | + HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.  - HS quan sát tranh và trao đổi nhóm 2.  + Một Số ( 2 - 3 ) HS trình bày đáp án trước lớp. Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác.  + Tranh có 3 nhân vật: Gà, ngan, vịt.  + Ngan và vịt đang bơi và đưa gà vào bờ.    + HS nhắc nt đầu bài. |
| **2. Đọc** | |
| - GV đọc mẫu toàn VB  - GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ có vần mới .  + GV đưa những vần và từ ngữ này lên bảng và hướng dẫn HS đọc. GV đọc mẫu lần lượt từng vần và từ ngữ chứa vẫn đó, HS đọc theo đồng thanh.  + Một số ( 2 - 3 ) HS đánh vần, đọc trơn, sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần.  - HS đọc câu  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1. GV hướng dẫn HS đọc một số từ ngữ tuy không chứa vần mới nhưng có thể khó đối với HS như: *vạch xuất phát, ra hiệu*.  + Một số HS đọc nối tiếp từng cầu lần 2. **\***GV hướng dẫn HS đọc những câu dài: Khi đọc hs cần lưu ý những chỗ GV ngắt hơi tương đương dấu phẩy thì ta đặt một gạch chéo, nghỉ hơi là dấu chấm thì tương đương hai dấu gạch chéo.  **\* VD** : (*Trước vạch xuất phát/ nai và hoẵng/ xoạc chân lấy đà;*  *Sau khi trọng tài ra hiệu/ hai bạn/ lao như tên bắn;*  *Nhưng cả hai/ đều được tặng/ giải thưởng tình bạn.)*  - HS đọc đoạn .  + GV chia VB thành các đoạn *( đoạn 1: từ đầu đến đứng dậy, đoạn 2: phần còn lại ).* + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn, 2 lượt.  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài ( *vạch xuất phát:* đường thẳng được kẻ trên mặt đất để đánh dấu chỗ đứng của các vận động viên trước khi bắt đầu thi chạy; *lấy đà* : tạo ra cho mình một thể đứng phù hợp để có thể bắt; *trọng tài*: người điều khiển và xác định thành tích trong cuộc thi; *ngã oạch*: ở đây ý nói ngã mạnh.).  - HS và GV đọc toản VB.  + 1- 2 HS đọc thành tiếng toàn VB .  + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi. | + HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có tiếng chứa vần mới trong VB: *oăng ( hoãng ), oac ( xoạc chân ), oach ( ngã oạch ).*  + Hs lắng nghe GV đọc mẫu. HS đọc cá nhân, ĐT cả lớp vần và tiếng vừa tìm được.  + HS đọc  + HS đọc nt câu lần 1  + HS đọc từ khó.  + HS đọc nt câu lần 2.  \*HS nghe GV HD đọc câu dài.  + HS đọc cá nhân.  + HS đọc đoạn theo nhóm 2.  + Hs đọc nt đoạn 4 lần.  + HS nghe giải nghĩa.  + HS đọc toàn VB.  + Lắng nghe. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Trả lời câu hỏi** | |
| GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 3 để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi.    a. Đôi bạn trong câu chuyện là ai ?  b. Vì sao hoẵng bị ngã  c. Khi hoẵng ngã, ai đã làm gì ?  - GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá .  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  \* GV nhận xét và chốt chuyển mục bài học. | HS làm việc nhóm 3 ( có thể đọc to từng câu hỏi ), cùng nhau trao đổi về tranh minh hoa và câu trả lời cho từng câu hỏi.  + Đôi bạn trong câu chuyện này là Nai và Hoẵng.  + Hoẵng bị ngã vì vấp phải 1 hòn đá.  + Khi hoẵng ngã, nai vội dừng lại, đỡ hoẵng đứng dậy.  + Đại diện nhóm trả lời câu hỏi. Các nhóm nhận xét nhau. |
| **4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi ở mục 3** | |
| - GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi c (có thể trình chiếu lên bảng để HS quan sát) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở (Khi hoẵng ngã, hai vội dừng lại, để hoẵng đứng dậy.) GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu và đặt dấu chấm, dấu phẩy đúng vị trí.  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS . | + HS quan sát và viết câu trả lời vào vở.  Khi hoẵng ngã, nai vội dừng lại, đỡ hoẵng đứng dậy. |

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở** | |
| - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 2 để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả, GV và HS thống nhất câu hoàn chỉnh.  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS . | HS làm việc nhóm 2 để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.  Câu: *Khi học múa, em phải tập xoạc chân.* |
| **6. Quan sát tranh và kể lại câu chuyện Giải thưởng tình bạn** | |
| - Gv cho hs đọc lại toàn bộ VB một lần.  - GV hướng dẫn HS quan sát tranh, nói về nội dung của từng tranh.  + Tranh 1: Nai, hoảng xoạc chân đứng trước vạch xuất phát củng các con vật khác, trọng tài sư tử cầm cờ.  + Tranh 2: Nai và hoẵng nai đang chạy ở vị trí dẫn đầu đoàn đua.  + Tranh 3: Hoẵng vấp ngã, nai đang giúp hoẵng đứng dậy.  + Tranh 4: Nai và hoẵng nhận giải thưởng. Giải thưởng có dòng chữ: *Giải thưởng tình bạn.*  - GV tổ chức cho HS kể lại chuyện theo tranh theo từng nhóm dựa vào từ ngữ gợi ý. - GV cho một vài nhóm trình bày trước lớp.  - GV và HS nhận xét. | - HS đọc thầm câu chuyện.  - HS quan sát tranh, nói về nội dung của từng tranh.  - HS kể chuyện theo nhóm 4, mỗi nhóm 1 bạn hs kể nd của 1 tranh.  - HS kể lại chuyện theo tranh theo từng nhóm dựa vào từ ngữ gợi ý.  - Nhóm thi kể chuyện. |

**TIẾT 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **7. Nghe viết** | |
| - GV đọc to cả hai câu. (Nai và hoẵng về đích cuối cùng. Nhưng cả hai đều được tặng giải thưởng.) GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết:  + Viết lùi vào đầu dòng. Viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu có dấu chấm.  + Chữ dễ viết sai chính tả như Hoẵng, tăng trưởng .  - GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.  - Đọc và viết chính tả:  + GV đọc từng câu cho HS viết. Những câu dài cần đọc theo từng cụm từ ( Nai và hoẵng/ về đích cuối cùng./ Nhưng cả hai/ đều được tặng giải thưởng/.). Mỗi cụm từ đọc 2 - 3 lần. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.  + Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi.  + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi.  + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS . | + HS chú ý  + HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.  + HS viết. |
| **8. Chọn vần phù hợp thay cho ô vuông** | |
| - GV có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu.  - GV nêu nhiệm vụ.  - Một số ( 2 - 3 ) HS lên trình bày kết quả trước lớp ( có thể điền vào chỗ trống của từ ngữ được ghi trên bảng ). Một số HS đọc to các từ ngữ. Sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần. | - HS làm việc nhóm đôi để tìm những vẫn phù hợp. |
| **9. Quan sát tranh và dùng từ ngữ để nói theo tranh.** | |
| - GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh .  - Yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý. GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh.  + Tranh 1: Các bạn nhỏ cùng học với nhau.  + Tranh 2: Các bạn nhỏ cùng ăn với nhau.  + Tranh 3: Các bạn nhỏ cũng vui chơi với nhau.  - Tranh 4: Các bạn nhỏ cùng nhau tập vẽ.  + HS và GV nhận xét.... | HS quan sát tranh .  HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý. |
| **10. Củng cố** | |
| - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chỉnh.  - GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS. | - HS nêu ý kiến về bài học ( hiều hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào ). |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 18/01/2021 Ngày giảng: T4/20/01/2021

Ngày giảng: T5/21/01/2021

**Tiếng việt**

**TÔI VÀ CÁC BẠN**

**BÀI 205 + 206 + 207 + 208**

**SINH NHẬT CỦA VOI CON – Trang 18 + 19 + 20 + 21.**

**I. MỤC TIÊU**

Giúp HS :

**1. Phát triển kĩ năng đọc** thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một câu chuyện ngắn và đơn giản, không có lời thoại, đọc đúng các vần oam , oăc, oăm, ươ và các tiếng, từ ngữ có các vần này; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

**2. Phát triển kĩ năng viết** thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện cấu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn ngắn; viết sáng tạo một câu ngắn.

**3. Phát triển kĩ năng nói và nghe** thông qua hoạt động trao về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

**4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung**: sự quan tâm, giúp đỡ bạn bè; khả năng làm việc nhóm; khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc của bản thân.

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

- Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm vai, thực hành, suy ngẫm

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên.**

**1.1. Kiến thức ngữ văn**

- GV nắm được đặc điểm của truyện đồng thoại ( truyện cho trẻ em trong đó loài vật và các vật vô tri được nhân cách hoá để tạo nên một thế giới thần kì , thích hợp với trí tưởng tượng của các em ) ; nội dung của VB Sinh nhật của voi con ; cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện . GV nắm được đặc điểm phát âm , cấu tạo các vần oam , oám, oăm , ươ, nghĩa của các từ ngữ khó trong VB ( ngoạm , tiết mục , ngủ ngoắc , mỏ khoảm , hơ vòi ) và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này .

**1.2. Kiến thức đời sống**

- GV nắm được một số đặc tính của con vật sống trong rừng như : vẹt có mỏ khoằm , sóc và khi có đuôi dài , voi có vòi dài , gấu có thể ngoạm đồ ăn , thỏ thích ăn cà rốt .

**1. 3. Phương tiện dạy học.**

- Tranh minh hoạ (tranh với con, khi vàng, sóc nâu, gấu đen, vệt mỏ khoằm, thỏ trắng) hoặc máy tính có phần mềm dạy chữ, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

**2. Học sinh**

- SHS, VBT, tập viết, vở oly.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Ổn và khởi động** | |
| - Ôn : HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.  - Khởi động “Tớ là ai”.  + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để nói về từng con vật trong tranh. + GV có thể đặt một số câu hỏi để gợi ý.  + Tranh có những con vật nào?  + Các con vật có gì đặc biệt?  Gợi ý: Vẹt có mỏ khoằm, sóc nâu và khỉ vàng cỏ đuôi dài , voi con có vòi dài, gấu đen có thể ngoan đô thị, thỏ trắng thích ăn cà rốt.  + GV và HS thống nhất câu trả lời, sau đó dẫn vào bài đọc Sinh nhật của voi con. (Gợi ý: Các con vật có những đặc điểm, thói quen khác nhau nhưng chúng cũng luôn biết chia sẻ, quan tâm tới nhau. Điều đó sẽ được thể hiện rõ trong VB Sinh nhất của voi con ).  **Ghi bảng**: Sinh nhật của Voi con | - HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.  - HS quan sát tranh và trao đổi nhôm để nói về từng con vật trong tranh.  + Vẹt có mỏ khoằm, sóc nâu và khỉ vàng cỏ đuôi dài.  + Voi con có vòi dài, gấu đen có thể ngoan đô thị, thỏ trắng thích ăn cà rốt.  + Một số ( 2-3 ) HS trình bày đáp án trước lớp. Các HS khác bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác.  + Hs nhắc nối tiếp đầu bài. |
| **2. Đọc** | |
| - GV đọc mẫu toàn VB.  - GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ có vần mới và yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi cùng tìm các từ ngữ có vần mới chưa học.  + GV đưa những từ ngữ này lên bảng và hướng dẫn HS đọc. GV đọc mẫu lần lượt từng vần và từ ngữ chứa vần đó.  - HS đọc theo đồng thanh.  + Một số ( 2 - 3 ) HS đánh vần, đọc trơn, sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần.  - HS đọc câu .  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1. \*GV hướng dẫn HS đọc một số từ ngữ tuy không chứa vẫn mới nhưng có thể khó đối với HS.  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 2. \*GV hướng dẫn HS đọc những câu dài.  VD: Khỉ vàng và sóc nâu/ tặng voi/ tiết mục “ngúc ngoắc đuôi”; Vẹt mỏ khoằm/ thay mặt các bạn/ nói những lời chúc tốt đẹp.  - HS đọc đoạn  + GV chia VB thành các đoạn (*đoạn 1: từ đầu đến tốt đẹp, đoạn 2: phần còn lại* ).  + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn, 2 lượt.  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài ( *ngoạm*: cắn hoặc gặm lấy bằng cách mở to miệng, *tiết mục*: từng phần nhỏ, mục nhỏ của một chương trình được đem ra trình diễn, *ngúc ngoắc*: cử động lắc qua, lắc lại; *mỏ khoằm*: mỏ hơi cong và quặp vào ( miêu tả kết hợp với tranh trực quan ); *huơ vòi*: giơ vòi lên và đưa qua đưa lại liên tiếp ( miêu tả kết hợp với tranh trực quan ).  + HS đọc đoạn theo nhóm đôi và thi đọc nhóm.  - Nhận xét nhóm đọc tuyên dương.  - HS và GV đọc toàn VB .  + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi. | - Lắng nghe.  - HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có tiếng chứa vần mới trong VB: oam (ngoạm), oắc (ngúc ngoắc), oăm (mỏ khoằm) , uơ (huơ vòi).  - HS đọc theo đồng thanh.  - HS đọc câu nối tiếp lần 1.  - HS đọc câu nối tiếp lần 2.  - HS nghe GV chia đoạn.  + Học sinh đọc đoạn nt.  - HS luyện đọc nhóm đôi và thi đọc nhóm.  - 1- 2 HS đọc thành tiếng toàn VB.  - HS nghe. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Trả lời câu hỏi** | |
| - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 3 để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi.  a . Những bạn nào đến mừng sinh nhật voi con ?  b . Voi con làm gì để cảm ơn các bạn ?  c . Sinh nhật của voi con như thế nào ?  - GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời . Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.  + GV và HS thống nhất câu trả lời. | - HS làm việc nhóm 3 để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi.  - HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi về bức tranh minh hoạ và câu trả lời cho từng câu hỏi.  a . Đến dự sinh nhật voi con có bạn thỏ, gấu, khỉ, sóc, vẹt.  b . Voi con huơ vòi để cảm ơn các bạn.  c . Sinh nhật của voi rất vui.  - Đại diện các nhóm trả lời câu hỏi nhóm mình. |
| **4. Viết vào vở cảu trả lời cho câu hỏi b ở mục 3** | |
| - GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi b (có thể trình chiếu lên bảng một lúc để HS quan sát) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở *(Voi con huơ vòi để cảm ơn các bạn)*.  - GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu, đặt dấu chấm đúng vị trí.  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS. | + HS quan sát viết câu trả lời vào vở.  Voi con hươ cái vòi để cảm ơn các bạn. |

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5.Chọn từ ngữ để hoàn thiện cảu và viết câu vào vở** | |
| - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 2 để chọn từ ngữ phù hợp hoàn thiện câu.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất câu hoàn thiện. (*Vân rất vui vì được đi chơi cùng các bạn*.).  - GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS. | - HS làm việc nhóm 2 để chọn từ ngữ phù hợp hoàn thiện câu.  Vân rất vui vì được đi chơi cùng các bạn.  - HS viết câu hoàn chỉnh vào vở |
| **6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh** | |
| - GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh.  - Yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý.  - GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh .  - HS và GV nhận xét. | - HS quan sát tranh.  - HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý.  - HS trình bày kết quả nói theo tranh. |
| **7. Nghe viết** | |
| - GV đọc to cả hai câu. *(Các bạn chúc mừng sinh nhật với con. Nó hi vòi cảm ơn các bạn.).*  - GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết :  + Viết lùi vào đầu dòng. Viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu có dấu chấm.  + Chữ dễ viết sai chính tả ( sinh ).  - GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách. Đọc và viết chính tả:  + GV đọc từng câu cho HS viết. Mỗi cái cần đọc theo từng cụm từ (*Các bạn chúc mừng sinh nhật voi con. Nó huơ với cảm ơn các bạn*). Mỗi cụm từ đọc 2 - 3 lần. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.  + Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lần cả hai câu và yêu cầu HS rà soát lỗi.  + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi .  + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS . | * HS chú ý * HS viết |
| **8. Tìm trong hoặc ngoài bài đọc Sinh nhật của voi con từ ngữ có tiếng chứa vần oăc, oac, uơ, ưa.** | |
| - GV nêu nhiệm vụ và lưu ý HS từ ngữ cần tìm có thể có ở trong bài hoặc ngoài bài.  - HS nêu những từ ngữ tìm được. GV viết những từ ngữ này lên bảng.  - Một số ( 2 - 3 ) HS đánh vần, đọc trơn; mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ. Lớp đọc đóng thanh một số lần. | - HS làm việc nhóm đôi để tìm và dọc thành tiếng từ ngữ có tiếng chứa các vần oăc, oac, uơ, ưa. Nêu những từ ngữ tìm được. |
| **9. Nói lời chúc mừng sinh nhật một người bạn của em** | |
| - GV gợi ý cho HS ý tưởng ( Vào ngày sinh nhật em muốn bạn chắc em như thế nào ? Em muốn chúc bạn điều gì nhân ngày sinh nhật bạn ? ... ).  - GV cho HS thực hành nói lời chúc mừng sinh nhật theo nhóm đối.  - GV gọi một số HS trình bày kết quả.  - GV lưu ý HS về cách nói lời chúc mừng sinh nhật bạn . | HS thực hành nói lời chúc mừng sinh nhật theo nhóm đối |
| **10. Củng cố** | |
| - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học . GV tóm tắt lại những nội dung chính .  - GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học . GV nhận xét , khen ngợi , động viên HS | HS nêu ý kiến về bài học ( hiểu hay chưa hiểu , thích hay không thích , cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào ) |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 20/01/2021 Ngày giảng: T6/22/01/2021

**Tiếng việt**

**BÀI 209 + 210: ÔN TẬP – Trang 22 + 23**

**I. MỤC TIÊU**

Giúp HS :

- Củng cố và nâng cao một số kiến thức, kĩ năng đã học trong một số bài trong chủ điểm: Tôi và các bạn thông qua thực hành nhận biết và đọc những tiếng có vần khó vừa được học; ôn và mở rộng vốn từ ngữ dùng để nói về bản thân và bạn bẻ; thực hành nói và viết sáng tạo về một chủ điểm cho trước (bạn bè).

- Bước đầu có khả năng khái quát và phát huy những gì đã học thông qua một số nội dung được kết nối từ các văn bản đã được học trong bài.

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

- Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm vai, thực hành, suy ngẫm

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

- Phương tiện dạy học: Tranh minh hoạ Nam nhờ chim bồ câu gửi thư được phóng to hoặc thiết bị chiếu để trình chiếu hinh thay cho tranh in.

- Tranh minh hoạ (tranh với con, khi vàng, sóc nâu, gấu đen, vệt mỏ khoằm, thỏ trắng) hoặc máy tính có phần mềm dạy chữ, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Nội dung** |
| **\* Ôn và khởi động:** Cả lớp cùng hát bài: Chú voi con ở bản Đôn. Bạn nào đọc to rõ đoạn văn trên bảng sẽ nhận được một mónquà ngẫu nhiên trong hộp quà cô giáo đã chuẩn bị.  **1. Tìm từ ngữ có tiếng chửa vần oac, oăc, oam, oăm.** | |
| - GV nêu nhiệm vụ và lưu ý HS từ ngữ cẩn tim có thể đã được học hoặc chưa được học. Tuy nhiên, do các vần trên là những vần hiếm gặp nên HS chủ yếu tìm trong các văn bản đã học.  - GV nên chia các vần này thành 3 nhóm.  Nhóm vần thứ nhất:  + HS làm việc nhóm để tìm và đọc từ ngữ có tiếng chứa các vần oac, oăc, oam, oăm.  + HS nêu những từ ngữ tìm được. GV viết những từ ngữ này lên bảng.  + HS đánh vần, đọc trơn; cả lớp đọc đồng thanh một số lần .  Nhóm vần thứ hai:  + HS làm việc nhóm đôi để tìm và đọc từ ngữ có tiếng chứa các vần ươ, oach, oăng.  + HS nêu những từ ngữ tìm được. GV viết những từ ngữ này lên bảng. |  |
| **2. Nam nhờ chim bồ câu gửi thư làm quen với một người bạn . Hãy giúp Nam chọn từ ngữ phù hợp để Nam giới thiệu mình .** | |
| - GV yêu cầu HS quan sát tranh minh hoạ.  - GV hỏi:  + Người gửi thư là ai?  + Người nhận thư là ai?  + Người chuyển thư là ai?  - GV giới thiệu: nếu được huấn luyện, một số giống chim bồ câu có thể đưa thư trong khoảng cách xa. Trước đây người ta thường dùng chim bồ câu để đưa thư.  - HS làm việc theo cặp: Trong các từ ngữ đã cho thi những từ ngữ nào đã xuất hiện trong văn bản Tôi là học sinh lớp 1? (đúng với Nam); Những từ ngữ nào không có trong văn bản đó? (không đúng với Nam). Những từ ngữ Nam cần chọn để giới thiệu về mình là những từ ngữ xuất hiện trong văn bản đã học . |  |
| **3. Tìm từ ngữ dùng để chỉ tình cảm bạn bè** | |
| - GV có thể gợi ý : Trong các từ ngữ đã cho , từ ngữ nào em có thể dùng để chỉ tình cảm của em với một người bạn.  - Những từ ngữ dùng để chỉ tình cảm bạn bè: thân thiết, gần gũi, quý mến.  - GV lưu ý HS, những từ ngữ này cũng có thể dùng để chỉ tình cảm giữa những người thân trong gia đình, giữa thầy cô và học sinh  - GV có thể giải nghĩa những từ ngữ như quý trọng, gắn bó, ... thường dùng để chỉ tình cảm bạn bè giữa những người bạn lớn tuổi (gắn bó: khó tách rời nhau, thường có quan hệ trong thời gian lâu; quý trọng: quỷ và rất coi trọng).  - GV gọi một số HS trình bày, GV và HS nhận xét | Từ có thể dùng để chỉ tình cảm bạn bè: yêu quý, quý trọng gắn bó ...  VD: Có thể nói Em và Nam rất thân thiết với nhau. Thân thiết là từ ngữ dùng để chỉ tình cảm bạn bè . |
| **4. Nói về một người bạn của em** | |
| GV có thể gợi ý: Bạn ấy tên là gì? Học lớp mấy ? Ở trường nào ? Bạn ấy thích chơi trò chơi gì ? Em hay chơi trò chơi gi với bạn ấy ? Tình cảm của em đối với bạn ấy thế nào? ... Lưu ý, HS có thể chỉ chọn một số nội dung để nói, không nhất thiết phải nói hết các nội dung được gợi ý.  - GV nhắc lại một số ý mà HS đã trình bày.  - GV nhận xét, khen ngợi một số HS có ý tưởng hay, tình cảm chân thành . | Em rất thân với bạn Ngọc Khánh. Bạn học cùng lớp 1A với em. Bạn ấy rất thích chơi đá bòng. Chúng em thường chơi cùng nhau. Em rất quý mến bạn ấy. |
| **5. Giải các ô chữ để biết được tên người bạn của Hà** | |
| GV nêu nhiệm vụ. Có thể yêu cầu 1 HS đọc to câu lệnh.  - GV hướng dẫn HS cách thức điền từ ngữ theo hàng ngang. Từ ngữ cần điền vào ô chữ cũng là từ ngữ cần điền vào các câu gợi ý. Trong bài Tôi và các bạn, HS đã được học 5 văn bản.5 câu gợi ý tương ứng với 5 văn bản đã học. Sau khi điền đủ 5 từ ngữ theo hàng ngang ( 1.giải thưởng, 2. sinh nhật, 3. đôi tai, 4. bạn, 5. học sinh), ở hàng dọc (tô màu), HS sẽ nhìn thấy từ thanh. GV yêu cầu HS đọc từ này. Đây là tên người bạn của Hà. GV có thể hỏi thêm: Vậy tên người bạn mới của Hà là gì? |  |
| **6. Củng cố** | |
| GV tóm tắt lại nội dung chính; nhận xét, khen ngợi, động viên HS. |  |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**Ôn Linh hoạt**

**LUYỆN TẬP CHỦ ĐỀ 1**

**I. MỤC TIÊU**

Giúp HS:

- Củng cố và nâng cao một số kiến thức, kĩ năng đã học trong bài *Tôi và các bạn*, *Đôi tai xấu xí*, *Bạn của gió, Giải thưởng tình bạn, Sinh nhật của voi con* thông qua thực hành nhận biết và đọc những tiếng có vần khó vừa được học; ôn và mở rộng vốn từ ngữ dùng để nói về bản thân và bạn bè; thực hành nói và viết sáng tạo về một chủ điểm cho trước (bạn bè).

- Bước đầu có khả năng khái quát hoá những gì đã học thông qua một số nội dung được kết nối từ các văn bản đã được học trong bài.

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

- Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm vai, thực hành, suy ngẫm

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

- GV: Phương tiện dạy học SGV

- HS:SGK, VBT

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Bài 1. TÔI LÀ HỌC SINH LỚP 1** | |
| 1. **Kết hợp từ ngữ ở A và B**   **A B**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Bây giờ, em |  | để biết thêm nhiều điều bổ ích | | Em rất thích |  | đã biết đọc truyện tranh . | | Em đọc sách |  | mẫu đồng phục của trường |     - GV gọi một số ( 2 - 3 ) HS đọc lần lượt cột A và cột B.  - GV gọi đại diện một số nhóm trình bày kết quả trước lớp, nhận xét, thống nhất cấu trả lời, sau đó cho HS làm vào vở.  **2. Sắp xếp các từ ngữ thành cầu và viết vào vở**  GV yêu cầu HS sắp xếp các từ ngữ trong từng dòng sau thành câu:  + thích, em, nhảy dây, chơi  + em, đuổi bắt, thích, chơi, cũng  + vui, thật là, đi học  - GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đối .  - Một số ( 2 - 3 nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất phương án đúng. ( Em thích chơi nhảy dây. / Em cũng thích chơi đuổi bắt. / Đi học thật là vui. ) | - HS làm việc nhóm , trao đổi về yêu cầu của bài .  HS sắp xếp các từ ngữ trong từng dòng  - HS viết vào vở các câu đã được sắp xếp đúng . |
| **Bài 2. ĐÔI TAI XẤU XÍ** | |
| Sắp xếp các từ ngữ thành cầu và viết vào vở  - GV yêu cầu HS sắp xếp các từ ngữ trong từng dòng sau thành câu :  + lương, ở trên, lạc đà, có, bướu  + cái vòi, voi con, dài, tổ GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đối. Một số ( 2 - 3 ) nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất phương án đúng. ( Lạc đã có bướu ở trên lưng. Voi Con có cái vòi dài. )  - HS viết vào vở các câu đã được sắp xếp đúng. | HS sắp xếp các từ ngữ  - HS viết vào vở các câu đã được sắp xếp đúng . |
| **Bài 3. BẠN CỦA GIÓ** | |
| Sắp xếp các từ ngữ thành cầu và viết vào vở  - GV yêu cầu HS sắp xếp các từ ngữ thành cầu : gió , mây, thổi, bay.  - GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đối . Một số ( 2 - 3 nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất phương án đúng. ( Gió thổi mây bay ) HS viết vào vở câu đã được sắp xếp đúng. ( 1 ) Do đặc điểm của tiếng Việt - một ngôn ngữ đơn lập , âm tiết tính - từ một số từ ngữ cho trước, có thể sắp xếp theo những trật tự khác nhau để tạo thành những cầu khác nhau. Vì vậy với dạng bài tập này, đôi khi có nhiều phương án đúng khác nhau và GV cần ghi nhận kết quả làm bài đủng của HS. | HS sắp xếp các từ ngữ trong từng dòng  - HS viết vào vở các câu đã được sắp xếp đúng . |
| **Bài 4. GIẢI THƯỞNG TÌNH BẠN** | |
| Sắp xếp các từ ngữ thành cầu và viết vào vở GV yêu cầu HS sắp xếp các từ ngữ trong từng dòng sau thành câu:  + Cường, Kiên, là, và, đôi, bạn thân  + Cúc, Nhung, và, nhảy dây, chơi  GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi. Một số ( 2 - 3 ) nhóm trình bày kết quả . GV và HS thống nhất phương án đúng. ( Cường và Kiên là đôi bạn thân hoặc Kiên và Cường là đôi bạn thân. Cúc và Nhung cùng chơi nhảy dây hoặc Nhung và Các cùng chơi nhảy dây ) | HS sắp xếp các từ ngữ trong từng dòng  - HS viết vào vở các câu đã được sắp xếp đúng . |
| **Bài 5. SINH NHẬT CỦA VOI CON** | |
| Sắp xếp các từ ngữ thành cầu và viết vào vở  - GV yêu cầu HS sắp xếp các từ ngữ trong từng dòng sau thành câu:  + voi con, sinh nhật, các bạn, chúc mừng  + các bạn, em, chơi cùng, giờ ra chơi, thường.  - GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi . Một số ( 2 - 3 ) nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất phương án đúng. ( Các bạn chúc mừng sinh nhật voi con./ Giờ ra chơi, em thường chơi cùng các bạn. ) | HS sắp xếp các từ ngữ trong từng dòng  - HS viết vào vở các câu đã được sắp xếp đúng. |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TUẦN 21**

Ngày soạn: 23/01/2021 Ngày giảng Thứ 2/25/01/2021

Ngày giảng Thứ 3/26/01/2021

**Tiếng việt**

**CHỦ ĐỀ 2. MÁI ẤM GIA ĐÌNH**

**Bài 211 + 212 + 213 + 214**

**NỤ HÔN TRÊN BÀN TAY (4 tiết)**

|  |
| --- |
|  |

**I. MỤC TIÊU**

Hình thành năng lực và phẩm chất:

**1.Phát triển kĩ năng đọc:** thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một VB tự sự ngắn và đơn giản, kể lại một trải nghiệm từ ngôi thứ ba, có lời thoại; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

2. Phát triển kĩ năng viết: thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn ngắn.

3. Phát triển kĩ năng nói và nghe : thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung: yêu thương, biết ơn cha mẹ; khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc của bản thân; khả năng làm việc nhóm.

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

- Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm vai, thực hành, suy ngẫm

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

**1. Kiến thức ngữ văn.**

- GV nắm được đặc điểm của VB tự sự kể lại một trải nghiệm từ ngôi thứ ba, có lời thoại; nội dung của VB *Nụ hôn trên bàn tay,* cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện.

- GV nắm được nghĩa của một số từ ngữ khó trong VB *(hồi hộp, nhẹ nhàng, thủ thỉ, tung tăng}* và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**2.Phương tiện dạy học.**

- GV : Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

- HS : sgk, vbt

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và Khởi động.**  **\*Ôn** : Trong chủ điểm 1 các em học được nững điểm gì hay ?  **\*Khởi động** : - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm 2 để nói về những gì em quan sát được trong tranh.  - Yêu cầu các nhóm và Trả lời câu hỏi.  - Trong tranh vẽ những ai? Bạn nhỏ đang đi đâu? Mẹ đã làm gì?  - Mẹ có ở trong ô cùng với bạn nhỏ không? Tại sao?  - GV và Hs nhận xét câu trả lời của các nhóm và tuyên dương nhóm trả lời hay.  - GV: Bài đọc *Nụ hôn trên bàn tay* là bài tập đọc rất hay cũng thể hiện tình yêu của mẹ đối với con đấy các con ạ, vậy hôm nay lớp mình học bài này nhé.  **Ghi bảng**: *Nụ hôn trên bàn tay.*  **2. Đọc**  **- GV đọc mẫu toàn bài.**  \*Chú ý đọc đúng lời người kể và lời nhân vật. Ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ.  **- HS đọc câu.**  + Luyện đọc nối tiếp từng câu lẩn 1.  + GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ có thể khó đối với HS: *hồi hộp* *nhiên, bước, cười.*  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 2. \*GV hướng dẫn HS đọc những câu dài.  GV đọc mẫu từng câu, HD cách ngắt nhịp.  (VD: *Mẹ nhẹ nhàng/ đặt một nụ hôn/ vào bàn tay Nam/ và dặn, Mỗi khi lo lắng,/ con hãy/ áp bàn tay này/ lên má.)*  **- HS đọc đoạn**  + GV chia bài thành các đoạn (*đoạn 1: từ đầu đến ở bên con, đoạn 2: phần còn lại*).  + GV cho hs đọc nối tiếp đoạn theo nhóm 2, 2 lần.  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài  *hồi hộp: ở* trong trạng thái tim đập nhanh do đang quan tâm đến cái gì đó sắp xảy ra;  *nhẹ nhàng:* rất nhẹ, không gây cảm giác khó chịu;  *thủ thỉ:* nói nhỏ nhẹ, vừa đủ nghe nhằm bộc lộ tình cảm;  *tung tăng:* di chuyển với những động tác biểu thị sự vui thích).  + HS đọc đoạn theo nhóm.  **- HS và GV đọc toàn VB**  + 1 - 2 HS đọc thành tiếng toàn VB.  + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi. | - HS Trả lời theo ý hiểu và cảm nhận. Trong chủ điểm 1……….  - HS quan sát tranh và trao đổi nhóm 2 cùng thảo luận nhóm.  - HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác.  **- Trong tranh vẽ mẹ và bé, bạn nhỏ đang đi học và mẹ đang che ô cho bạn nhỏ.**  **- Mẹ không ở trong ô cùng bạn nhỏ, vì cái ô nhỏ quá.**  **- Hs nhắc nối tiếp đầu bài.**  - HS đọc nối tiếp từng câu lần 1.  ***-* HS đọc cá nhân từ khó.**  - HS đọc nối tiếp từng câu lần 2.  **- HS đọc câu dài, Lớp đọc CN – ĐT.**  - HS đọc nối tiếp từng câu lần 2.  + HS nghe GV chia đoạn.  **+ Đọc đoạn nối tiếp nhóm 2, 2 lần.**  + Nghe giải thích từ ngữ trong văn bản.  - HS luyện đọc nhóm.  **- HS đọc lại toàn bộ VB.**  **- Nghe GV đọc lại VB.** |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Trả lời câu hỏi.**   **\*GV yêu cầu HS đọc lại thầm toàn VB.**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 3 để tìm hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi.  **a. Ngày đầu đi học, Nam thế nào?**  **b. Mẹ dặn Nam điều gì?**  **c. Sau khi chào mẹ, Nam làm gì?).**  - GV đọc câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  Lưu ý: GV có thể chủ động chia nhỏ câu hỏi hoặc bổ sung câu hỏi để dẫn dắt HS (nếu cần).  **4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a ở mục 3.**  **GV ghi bảng**:  *Ngày đầu đi học Nam* (…) .  - GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi a và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở.  - Những chữ nào được viết hoa? Tại sao?  - GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu và tên riêng; đặt dấu chấm, dấu phẩy đúng vị trí.  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS. | - HS đọc thầm lại toàn Vb và trả lời.  - HS làm việc nhóm 3 (có thể đọc to câu hỏi), cùng nhau trao đổi về bức tranh minh hoạ và câu trả lời câu hỏi.  a. Ngày đầu đi học, Nam hồi hộp lắm;  b. Mẹ dặn Nam: “Mỗi khi lo lắng, con hãy áp bàn tay này lên má";  c. Sau khi chào mẹ, Nam tung tăng bước vào lớp.  - HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác.  - 1 HS đọc lại câu hỏi a ở mục 3.  - 1HS trả lời.  a. *Ngày đầu đi học, Nam hồi hộp lắm.*  + Ngày, Nam. Vì chữ *Ngày* là chữ  đầu dòng, chữ *Nam* là tên riêng. |

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở.**  **GV ghi bảng từ**: *mỉm cười, lo lắng , thủ thỉ*  *- Câu : Mỗi lần em bị ốm, mẹ rất….*bị khuyết từ vậy từ đó là gì?.  \*Chọn từ ngữ ở trên để điền vào chỗ bị khuyết trong ngoặc.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất câu hoàn chỉnh. *(Mỗi lần em bị ốm, mẹ rất lo lắng.)*  Tại sao ta không dùng từ *mỉm cười* hay từ *thủ thỉ*?  - Trong câu này từ nào được viết hoa?  - GV hướng dẫn viết hoa chữ M theo 2 cách. Có thể cho chạy video viết vần có lời cho hs quan sát và thực hiện.  - GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.  **6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh (17-18’)**  - GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh.  GV ghi bảng từ: *chăm sóc, ốm, ô tô điện, công viên*  - Con chọn từ ngữ nào để nói về bức tranh 1, 2?  - GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh.  Gợi ý: tranh 1: *Mỗi khi em bị ốm, mẹ đều chăm sóc em rất tận tình./ Mẹ luôn ở bên em, chăm sóc em, mỗi khi em ổm./ Mẹ luôn ở bên em, chấm sóc em, mỗi khỉ em bị ốm\*  Tranh 2: *Trong công viên, hai bố con đang chơi trò lái ô tô điện.*  - HS và GV nhận xét. | - HS đọc CN- ĐT.  HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.  - HS: Vì những từ đó không phù hợp với câu đã cho.  -HS : từ *Mỗi*  *Mỗi lần em bị ốm, mẹ rất lo lắng.*  - HS đọc CN- ĐT.  - HS làm việc nhóm đôi, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý. |

**TIẾT 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **7. Nghe viết.**  - GV : viết lên bảng  - GV đọc to cả hai câu. *(Mẹ nhẹ nhàng đặt nụ hôn vào bàn tay Nam. Nam thấy thật ấm áp.)*  - GV : viết lên bảng  *- Những chữ nào được viết hoa?, tại sao?*  - GV HD cách viết.  + Viết lùi đầu dòng. Viết hoa chữ cái đầu câu và tên riêng của Nam, kết thúc câu có dấu chấm.  + Chữ dễ viết sai chính tả: *tay.*  *- GN* yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.  - Đọc và viết chính tả:  + GV đọc từng câu cho HS viết. Mỗi câu cần đọc theo từng cụm từ *(Mẹ nhẹ nhàng/ đặt nụ hôn/ vào bàn tay Nam./ Nam thấy/ thật ấm áp.).* Mỗi cụm từ đọc 2-3 lần. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.  + GV đọc lại một lần1 toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi.  +GV đọc lại một lần 2.  + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.  **8. Chọn chữ phù hợp thay cho bông hoa.**  - GV tổ chức trò chơi; ***Vượt chướng ngại vật.***  a. *n* hay *l*: …iềm vui, …o lắng , …òng mẹ  b. *c* hay *k*: mẹ …on, ….ỉ niệm, …ì diệu  - GV nêu nhiệm vụ: Những từ ngữ trên bảng bị khuyết âm đầu con hãy chọn âm đã cho phù hợp với chỗ bị khuyết. bằng cách viết lần lượt những âm bị khuyết vào bảng con.  **9. Hát một bài hát về mẹ**.  - GV đưa lời bài hát thông qua phương tiện dạy học: máy tính, máy chiếu, bảng điện tử,... sau đó cho HS nghe bài hát.  - GV hướng dẫn cả lớp hát một bài hát về mẹ.  **10. Củng cố.**  - Về luyện đọc thêm bài và trả lời lại các câu hỏi, hát nhiều bài hát về mẹ.  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS. | - HS 1 em đọc bài viết trên bảng hoặc sgk.  - HS: Chữ được viết hoa: ***Mẹ, Nam***  - HS: 1 em phân tích tiếng tay  - HS tự rà soát lỗi bài của mình.  - HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi.  - 1 HS đọc yêu cầu.  a. *n* hay *l*: niềm vui, ***l****o* lắng, ***l****òng* mẹ  b. c hay k: mẹ ***c****on*, ***k****ỉ* niệm, ***k****ì* diệu  - HS làm việc cá nhân  - HS đọc to các từ ngữ. Sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần. |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 25/01/2021 Ngày giảng Thứ 4/27/01/2021

**Tiếng việt**

**CHỦ ĐỀ 2. MÁI ẤM GIA ĐÌNH**

**BÀI 215 + 216: LÀM ANH (2 tiết)**

|  |
| --- |
|  |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Phát triển kĩ năng đọc**: thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một bài thơ; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến nội dung bài thơ; nhận biết một sò tiếng cùng vần với nhau, củng cố kiến thức về vần; thuộc lòng bài thơ và cảm nhận được vẻ đẹp của bài thơ qua vần và hình ảnh thơ; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

**2.Phát triển kĩ năng nói và nghe** thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

**3.Phát triển phẩm chất và năng lực chung**: cảm nhận được giá trị của gia đình, biết yêu thương và bày tỏ tình cảm của bản thân với anh chị em trong gia đình; khả năng làm việc nhóm.

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

- Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm vai, thực hành, suy ngẫm

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

**1.GV:** Nắm được đặc điểm vần, nhịp của bài thơ làm anh

Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

**2. Học sinh**:SGK, VBT

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và Khởi động.**  **- Ôn**: GV gọi 2 học sinh đọc bài *Nụ hôn trên bàn tay* và trả lời câu hỏi.  + Mẹ dặn Nam làm điều gì?    **- Khởi động:**  + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi.  a. *Người em nói gì với anh?*  b. *Người anh nói gì với em?*  c. *Tình cảm của người anh đối với em như thế nào?*  + GVvà HS thống nhất nội dung câu trả lời, sau đó dẫn vào bài thơ *Làm anh.*  **2. Đọc.**  - GV đọc mẫu toàn bài thơ. Chú ý đọc diễn cảm, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ.  - HS đọc từng dòng thơ.  + Luyện đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 1.  - GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đối với HS (dỗ *dành, dịu dàng).*  + Luyện đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 2.  - GV hướng dẫn HS cách đọc, ngắt nghỉ đúng dòng thơ, nhịp thơ.  **-** HS đọc từng khổ thơ.  + GV hướng dẫn HS nhận biết khổ thơ.  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài thơ:  *dỗ* *dành:* tìm cách nói chuyện để em bé không khóc;  (nâng) *dịu dàng:* đỡ em bé dậy mà không làm em bé bị đau  + HS đọc từng khổ thơ theo nhóm 4.  **+** Thi đọc nhóm**.**  - Các bạn nhận xét, đánh giá.  - HS đọc cả bài thơ  **3.Tìm tiếng cùng vần với mỗi tiếng bánh, đẹp, vui***.*  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, cùng đọc lại bài thơ và tìm tiếng ngoài bài cùng vần với một số tiếng trong bài: *bánh, đẹp, vui.*  - GV yêu cầu một số HS trình bày kết quả. GV và HS nhận xét, đánh giá. | **- 2 HS đọc bài và trả lời câu hỏi.**  *- Mẹ dặn Nam: “Mỗi khi lo lắng, con hãy áp bàn tay này lên má";*  *+ Người em nói: anh cho em mượn chiếc ô tô của anh….*  - Anh đã đồng ý và cho người em mượn ô tô: *Đây em hãy cầm lấy*.  + Quan tâm ,…  - HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 1.  - HS đọc từ khó CN..  - HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 2.  - HS đọc nối tiếp từng khổ thơ, 2 lượt.  + HS đọc khổ thơ trong nhớm 4, mỗi HS đọc một khổ thơ.  **+ Thi đọc khổ thơ trong nhóm 4.**  + 2 HS đọc thành tiếng cả bài thơ.  + Lớp đọc đồng thanh cả bài thơ.  - HS làm việc nhóm, cùng đọc lại bài thơ và tìm tiếng ngoài bài cùng vần với một số tiếng trong bài: *bánh, đẹp, vui.*  *- bánh: chánh – cánh- lanh lảnh…*  *- đẹp: chép- lép - khép – mép…*  **- *vui: mùi- đùi – cùi- cúi – lúi húi…***  - HS viết những tiếng tìm được vào vở. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **4.Trả lời câu hỏi.**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu bài đọc và trả lời các câu hỏi.  a. *Làm anh thì cần làm những gì cho em?*  b. *Theo em, làm anh dễ hay khó?* (Câu hỏi mở.)  c. *Em thích làm anh hay làm em? Vì sao?* (Câu hỏi mở.)  - GV đọc từng câu hỏi và gọi một số HS trình bày câu trả lời. Các bạn nhận xét, đánh giá.  - GV và HS thống nhất câu trả  **5. Học thuộc lòng**.  - GV treo bảng phụ hoặc trình chiếu hai khổ thơ cuối của bài thơ *Làm anh.*  - GV hướng dẫn HS học thuộc lòng hai khổ thơ cuối bằng cách xoá/ che dần một số từ ngữ trong hai khổ thơ cho đến khi xoá/ che hết. HS nhớ và đọc thuộc cả những từ ngữ bị xoá/ che dần. Chú ý để lại những từ ngữ quan trọng cho đến khi HS thuộc lòng bài thơ.  - GV nhận xét  **6. Kể về anh, chị hoặc em của em.**  - GV đưa ra một số câu hỏi gợi ý:  *+ Em của em là trai hay gái?*  *+ Em của em mấy tuổi?*  *+Em của em đã đi học chưa, học trường nào?*  *+Sở thích của em bé là gì?*  *+Có khi nào em bé làm em khó chịu không? Vì sao?*  *+ Em cảm thấy thế nào khi chơi đùa cùng em bé?*  GV lưu ý: anh, chị, em có thể là anh, chị, em “ruột” hoặc anh, chị, em “họ” vì có thể nhiều HS là con một, duy nhất trong gia đình.  - GV yêu cầu HS luyện tập theo nhóm.  GV và HS nhận xét.  **7. Củng cố.**  - 1 HS đọc thuộc lòng 1,2 khổ thơ vừa hoc.  - Về nhà học bài và tập chép 1 khổ thơ vào vở.  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS. | - HS làm việc nhóm để tìm hiểu bài đọc và trả lời các câu hỏi.  *a.Dỗ em, khi em khóc; nâng em dậy, khi em ngã; cho em quà bánh phần hơn; nhường em đồ chơi đẹp.*  *b. Trả lời theo ý hiểu…..*  *c. Trả lời theo ý hiểu…..*  - 2 HS đọc thành tiếng hai khổ thơ.  - HS luyện học thuộc lòng 2 khổ thơ*.*  - Một số em đọc thuộc lòng 1,2 khổ thơ tại lớp.  + Từng HS trong nhóm nói về anh/ chị/ em trong gia đình.  + Đại diện một vài nhóm nói trước lớp |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: 26/01/2021 Ngày giảng Thứ 5/28/01/2021

Ngày giảng Thứ 6/29/01/2021

**Tiếng việt**

**CHỦ ĐỀ 2. MÁI ẤM GIA ĐÌNH**

**BÀI 217 + 218 + 219 + 220**

**CẢ NHÀ ĐI CHƠI NÚI (4 tiết)**

|  |
| --- |
|  |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Phát triển kĩ năng đọc**: thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một VB tự sự đơn giản, kể lại một trải nghiệm từ ngôi thứ ba, không có lời thoại; đọc đúng các vần *uya, uyp, uynh, uych, uyu* và các tiếng, từ ngữ có các vần này; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

**2.Phát triển kĩ năng viết**: thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn ngắn.

**3. Phát triển kĩ năng nói và nghe**: thông qua trao đổi vê' nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

**4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung**: quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn với những người thân trong gia đình; khả năng làm việc nhóm; khả năng nhận ra được những vấn đề đơn giản và đặt được câu hỏi.

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

- Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm vai, thực hành, suy ngẫm

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

**1. Kiến thức ngữ văn**

- GV nắm được đặc điểm của VB tự sự, kể lại một trải nghiệm từ ngôi thứ ba, không có lời thoại; nội dung của VB *Cả nhà đi chơi núi,* cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện.

- GV nắm được đặc điêìn phát âm, cấu tạo các vần *uya, uyp, uynh, uych, uyư,* nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB *(tuýp thuốc, côn trùng, huỳnh huych, khúc khuỷu)* và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**2. Phương tiện dạy học**

- GV:Tranh minh hoạ trong SHS (tranh gia đình đi biển, gia đình đi tham quan hang động, gia đình đi thăm bảo tàng, gia đình đi chơi công viên) được phóng to hoặc máy tính có phần mềm dạy chữ, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

- HS: SGK, VBT

**IV.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động.**  - Ôn: Gọi 2 học sinh học thuộc lòng 2 khổ thơ cuối bài *Làm anh.*  - GV nhận xét  + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi  a. *Gia đình trong tranh gồm những ai?*  b. *Họ có vui không? Vì sao em biết.*  + GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời.  + GV dẫn vào bài đọc *Cả nhà đi chơi núi.*  **2. Đọc.**  **- GV đọc mẫu toàn VB.**  - GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ có vần mới.  + GV ghi từ ngữ này lên bảng và hướng dẫn HS đọc.  + GV đọc mẫu lần lượt từng vần và từ ngữ chứa vần đó.  **- HS đọc câu**  + Luyện đọc nối tiếp từng câu lần 1.  + GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ tuy không chứa vần mới nhưng có thể khó đối với HS.  + Luyện đọc nối tiếp từng câu lần 2.  + GV hướng dẫn HS đọc những câu dài. (VD: *Bố mẹ/ cho Nam và Đức/ đi chơi núi; Hôm trước,/ mẹ thức khuya/ để chuẩn bị quần áo,/ thức ấn,/ nưốc uống/ và cả tuýp thuốc chống côn trùng; Càng lên cao,/ đường càng dốc/ và khúc khuỷu,/ bố phải cõng Đức.)*  GV đọc mẫu câu dài  + Cô ngắt hơi ở những chỗ nào?  - HS đọc đoạn  + GV chia đoạn (đoạn 1: từ đầu đến *côn trùng,* đoạn 2: từ *Hôm sau* đến *anh em,* đoạn 3: phần còn lại).  GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài:  *tuýp thuốc:* ống nhỏ, dài trong có chứa thuốc;  *côn trùng:* chỉ loài động vật chân đốt, có râu, ba đôi chân và phần lớn có cánh;  *huỳnh huych:* từ mô phỏng tiếng động trầm, liên tiếp do một hoạt động nặng nhọc nào đó gây ra (chạy huỳnh huỵch);  *khúc khuỷu:* không bằng phẳng, có nhiều đoạn gấp khúc ngắn liên tiếp nhau (kết hợp với trực quan qua tranh).  + HS đọc đoạn theo nhóm.  + GV và HS đọc toàn VB.  + GV nhận xét và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi | **- 2 HS lần lượt đọc.**  **- Gia đình có 4 người đó là bố, mẹ và 2 con.**  **- Họ rất vui vẻ, họ đang cùng nhau đi du lịch, đang tắm biển…**  + HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác.  - HS lắng nghe.  + HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có tiếng chứa vần mới trong bài: *uya (khuya); uyp (tuýp thuốc); uynh, uy ch (huỳnh huy ch); uyu (khúc khuỷu).*  + HS đánh vần, đọc trơn, sau đó cả lớp đọc đổng thanh một số lần.  **- HS đọc từ khó CN - ĐT**  - HS đọc nối tiếp từng câu lần 1.  - HS đọc nối tiếp từng câu lần 2.  - 1HS đọc lại câu dài. Lớp đọc ĐT  **Ngắt hơi dấu phẩy tương đương 1 gạch chéo, nghỉ hơi 2 gạch tương đương dấu chấm.**  + HS đọc nối tiếp từng đoạn, 2 lượt.  **- HS luyện đọc trong nhóm.**  **- Thi đọc trước lớp.**  + 1 - 2 HS đọc thành tiếng toàn bài . |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3.Trả lời câu hỏi**.  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi  a. *Nam và Đức được bố mẹ cho đi đâu?*  b. *Mẹ chuẩn bị những gì cho chuyến đi?*  c. *Đến đoạn đường dốc và khúc khuỷu, bố phải làm gì?.*  - GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá. GV và HS thống nhất câu trả lời  **4.Viết vàọ vở câu trả lời cho câu hỏi c ở mục 3**.  GV gọi 1 HS đọc lại câu hỏi c mục 3.  Gọi 1 hs nhắc lại câu trả lời  - GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi c và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở *(Đến đoạn đường dốc và khúc khuỷu, bổ phải cõng Đức.).*  *- Trong câu này từ nào được viết hoa?*  *- Tại sao những từ đó lại được viết hoa?*  - GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu; đặt dấu chấm, dấu phẩy đúng vị trí.  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS. | - HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi.  a. *Nam và Đức được bố mẹ cho đi chơi núi;*  b. *Mẹ chuẩn bị nhiều thứ cho chuyến đi như: quần áo, thức ăn, nước uống và cả tuýp thuốc chống côn trùng;*  c. *Đến đoạn đường dốc và khúc khuỷu, bố phải cõng Đức.*  c. *Đến đoạn đường dốc và khúc khuỷu, bố phải làm gì?.*  c. *Đến đoạn đường dốc và khúc khuỷu, bố phải cõng Đức.*  **- Từ *đến* và từ *Đức***  ***- Vì chữ đầu câu và tên riêng.***  ***- HS viết bài vào VBT*** |

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở.**  - GV ghi bảng : *thấp , khúc khuỷu, hào hứng.*  *Đường lên núi quanh co,…*  - GV hướng dẫn  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất câu hoàn thiện. *(Đường lên núi quanh co, khúc khuỷu.)*  - GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.  **6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh**.  - GV ghi bảng: *cảnh vật, thú vị , đi chơi*  - GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh.  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý.  - GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh.  - HS và GV nhận xét. | **- HS đọc từ ngữ trên bảng.**  - 1 HS đọc.  - HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.  **Đường lên núi quanh co, khúc khuỷu.**  **- 1-2 HS đọc từ ngữ trên bảng.**  **- HS quan sát tranh Làm việc nhóm đôi trao đổi nhóm theo nội dung tranh có dùng các từ ngữ đã gợi ý.**  ***- Cảnh vật trong hang núi rất thú vị***  ***- Đi chơi núi cảnh vật thật thú vị .***  ***- Bố mẹ cho em đi chơi trong hang núi….*** |

**TIẾT 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **7. Nghe viết.**  - GV yêu cầu học sinh đọc to 2 câu viết.  - GV đọc to cả hai câu. *{Nam và Đức được đi chơi núi. Đến đỉnh núi, hai anh em vui sướng hét vang.)*  Trong 2 câu này chữ nào được viết hoa? Tại sao?  - GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết.  + Viết hoa chữ cái đầu câu và tên riêng của Nam và Đức, kết thúc câu có dấu chấm.  + Chữ dễ viết sai chính tả: *sưởng, chơi.*  - GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cẩm bút đúng cách.  - Đọc và viết chính tả:  + GV đọc từng câu cho HS viết. Mỗi câu cần đọc theo từng cụm từ *{Nam và Đức/ được đi chơi núi./ Đến đỉnh núi,/ hai anh em/ vui sướng hét vang.).* Mỗi cụm từ đọc 2-3 lẩn. GV cẩn đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.  + GV đọc lại một lần cả hai câu và yêu cầu HS rà soát lỗi.  + GV đọc lại lần 2.  + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.  **8. Chọn vần phù hợp thay cho ô vuông**.  **Gv ghi bảng**:  a. *uyp hay uyu? đèn t…, kh … tay*  b. *uynh hay uych? h … tay, phụ h..*  - GV nêu nhiệm vụ.  - HS lên trình bày kết quả trước lớp (có thể điền vào chỗ trống của từ ngữ được ghi trên bảng).  **9. Kể về một lần em được đi chơi cùng gia đình**.  - GV hướng dẫn HS quan sát tranh.  - GV gợi ý cho HS nội dung nói thông qua việc trả lời một số câu hỏi.  *Tranh 1:Bạn nhỏ đang cùng bố mẹ đi chơi ở đâu?*  *Tranh 2; Bạn nhỏ đang ngồi ở đâu? Bố mẹ bạn đang làm gì?*  *- Em đã bao giờ được bố mẹ cho đi chơi xa chưa?*  *- Em thấy nơi gia đỉnh đi chơi có đẹp không?*  *- Em có thích chuyến đi này không?*  - Hãy kể cho các bạn nghe về chuyến đi chơi của mình?  (Có thể là một chuyến về thăm quê, một chuyến du lịch trong nước hoặc nước ngoài,... Gợi ý những hoạt động gần gũi với thực tế của HS  - GV cho một vài nhóm trao đổi với nhau trước lớp.  - GV gọi đại diện các nhóm lên trình bày.  **10. Củng cố**.  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.  - Về nhà đọc bài và trả lời lại các câu hỏi trong bài | - 2 học sinh đọc  - HS: *Nam, Đức* là tên riêng, từ *đến* là chữ đầu câu.  HS phân tích tiếng sưởng: s + ương + thanh hỏi.  + Lần 1: tự soát lỗi  + Lần 2: HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi.    - 1HS đọc yêu cầu.  - HS làm việc nhóm đôi để tìm những vần phù hợp.  a. *uyp hay uyu? đèn tuýp, khuỷu tay*  b.*uynh hay uych? huých tay, phụ huynh.*  - HS đọc to các từ ngữ. CN- ĐT  - HS hoạt động nhóm, thảo luận về nội dung các bức tranh.  - *Bạn nhỏ dang cùng bố mẹ đi chơi ở Bảo tàng.*  *- Bạn nhỏ đang ngồi trên xích đu, bố mẹ đang giữ và đung đưa cho bạn*…  - HS trả lời  - HS trình bầy.  - Đại diện nhóm trình bầy. |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**TUẦN 22**

Ngày soạn: Ngày Giảng: Thứ

Ngày Giảng: Thứ

**Tiếng việt**

**CHỦ ĐỀ 2. MÁI ẤM GIA ĐÌNH**

**BÀI 221 + 222: NGÔI NHÀ( 2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Phát triển kĩ năng đọc** thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một bài thơ; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến nội dung bài thơ; nhận biết một số tiếng cùng vần với nhau, củng cố kiến thức về vần; thuộc lòng một số khổ thơ và cảm nhận được vẻ đẹp của bài thơ qua vần và hình ảnh thơ; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

**2.Phát triển kĩ năng nói và nghe** thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

**3.Phát triển phẩm chất và năng lực chung**: tình yêu đối với người thân trong gia đình; cảm nhận được giá trị tinh thần của ngôi nhà; khả năng làm việc nhóm; khả năng nêu được thắc mắc về sự vật, hiện tượng.

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

- Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm vai, thực hành, suy ngẫm

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

**1.Kiến thức ngữ văn**

GV nắm được đặc điểm vần, nhịp và nội dung của bài thơ *Ngôi nhà-,* nghĩa của một số từ ngữ khó trong bài thơ *(xao xuyến, đẩu hôi, lảnh lót, mái vàng, rạ, mộc mạc)* và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**2.Phương tiện dạy học**

Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

**IV.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Ôn và khởi động**.  **- Ôn**: HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.  a. Vào ngày gia đình Việt Nam. Gia đình Chi làm gì?  b. Theo em vì sao Chi rất vui?  **- Khởi động**: (giải câu đố).  + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm 2 để giải câu đố.  *Cái gì để tránh nắng mưa*  *Đêm được an giấc, từ xưa vẫn cần.*  *Là gì?*  + Một số (2 - 3) HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung nếu có câu trả lời khác.  + GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời, sau đó dẫn vào bài thơ *Ngôi nhà.* | - Bữa cơm gia đình.  a. Vào ngày gia đình Việt Nam gia đình Chi liên hoan mừng ngày gia đình Việt Nam.  b. Chi vui vì em và mọi thành viên trong gia đình đều có đông đủ, Chi thích ngày nào cũng là ngày Gia Đình Việt Nam.  - HS QS tranh và TLCH.  + Cái ô, áo mưa.  + Cái võng, ngôi nhà. |
| **\*Ghi bảng:** Ngôi nhà  **2. Đọc.**  - GV đọc mẫu toàn bài thơ. Chú ý đọc diễn cảm, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ.  - HS đọc từng dòng thơ  + Một số HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần. | - HS nhắc nt đầu bài.  - HS lắng nghe.  - HS đọc nt dòng thơ lần 1. |
| **-** GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ khó phát âm (do có vần khó hoặc do đặc điểm phát âm phương ngữ của HS): *xao xuyến, nở, lảnh lót, nước.*  + Một số HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần. | - HS đọc từ khó theo HD của GV.  - HS đọc nt dòng thơ lần 2. |
| **-** GV hướng dẫn HS cách đọc, ngắt nghỉ đúng dòng thơ, nhịp thơ.  - HS đọc từng khổ thơ  + GV hướng dẫn HS nhận biết khổ thơ.  + Một số HS đọc nối tiếp từng khổ, 2 lượt.  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài thơ.  *- Xao xuyến:* trạng thái xúc động kéo dài (VD: tiếng chim hót làm xao xuyến lòng người.  - *Đầu hồi:* phẩn tường ở hai đầu nhà.  - *Lảnh lót:* âm thanh cao, trong và vang;  - *Mái vàng:* mái nhà được lợp bằng rạ, có màu vàng.  - *mộc mạc:* giản dị, đơn giản; *rạ:* phẩn của cây lúa còn lại sau khi gặt.  + HS đọc từng khổ thơ theo nhóm.  + Thi đọc nhóm 3 từng khổ thơ, mỗi HS đọc một khổ thơ.  - HS đọc cả bài thơ  + 1 - 2 HS đọc thành tiếng cả bài thơ.  + Lớp đọc đồng thanh cả bài thơ. | - Nghe cách đọc ngắt nghỉ đúng dòng thơ, nhịp thơ.  - Nghe và nhận biết khổ thơ theo HD của GV.  - HS đọc nối tiếp khổ thơ 2 lần.  - Nghe GV giải thích nghĩa của Từ.  - Luyện đọc khổ thơ theo nhóm 3.  - Thi đọc nhóm 3.  - HS đọc lại toàn bộ bài thơ.  - Các bạn nhận xét, đánh giá.  - Lớp đọc đồng thanh toàn bộ bài thơ. |
| **3.Tìm tiếng cùng vần với mỗi tiếng: *chùm, phơi, nước****.*  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, cùng đọc lại bài thơ và tìm tiếng ngoài bài cùng vần với một số tiếng trong bài: *chùm, phơi, nước*  - HS viết những tiếng tìm được vào vở.  - GV yêu cầu một số HS trình bày kết quả. GV và HS nhận xét, đánh giá. GV và HS thống nhất câu trả lời. | - HS hoạt động nhóm 2 tìm tiếng ngoài bài vần có trong bài.  - Viết vở những tiếng vừa tìm được vào vở.  + Một số nhóm trình bày kết quả vừa tìm được với lớp và GV. |
| **TIẾT 2** | |
| **4.Trả lời câu hỏi.**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 3 để tìm hiểu bài đọc và trả lời các câu hỏi | - HS hoạt động và trao đổi nhóm 3. |
| *a. Trước ngõ nhà của bạn nhỏ có gì?* | *a. hàng xoan* |
| *b. Tiếng chim hót ở đầu hổi như thế nào?* | *b. tiếng chim hót lảnh lót* |
| c. *Câu thơ nào nói về hình ảnh mái nhà?* | *c. Mái vàng thơm phức).* |
| - HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi và trả lời từng câu hỏi.  - GV đọc từng câu hỏi và gọi một số HS trình bày câu trả lời. | - Làm việc nhóm.  -Các bạn nhận xét, đánh giá. |
| **5.Học thuộc lòng**.  - GV treo bảng phụ hoặc trình chiếu hai khổ thơ đầu.  - Gọi 1 HS đọc.  - GV hướng dẫn HS học thuộc lòng hai khổ thơ đầu bằng cách xoá/ che dần một số từ ngữ trong hai khổ thơ cho đến khi xoá/ che hết. HS nhớ và đọc thuộc cả những từ ngữ bị xoá/ che dần. Chú ý để lại những từ ngữ quan trọng cho đến khi HS thuộc lòng hai khổ thơ này. | - Đọc CN.  - HS đọc Đt – tổ - nhóm. |
| **6.Vẽ ngôi nhà mà em yêu thích và đặt tên cho bức tranh em vẽ**.  - GV đưa ra một số bức tranh về ngôi nhà, giới thiệu khái quát về những ngôi nhà có trong tranh.  - GV đưa ra gợi ý để HS vẽ tranh:  + Em vẽ ngôi nhà vào thời điểm nào trong ngày (sáng, chiều, hay tối)?  + Ngôi nhà có những bộ phận gì?  + Có những cảnh vật gì xung quanh ngôi nhà?  + Em định đặt tên bức tranh là gì?  - HS vẽ ngôi nhà yêu thích vào vở và đặt tên cho bức tranh vừa vẽ.  - HS trao đổi sản phẩm với bạn bên cạnh, nhận xét sản phẩm của nhau. | - Quan sát tranh mẫu.  - HS trả lời theo ý hiểu mình.  - HS vẽ ngôi nhà yêu thích vào vở của mình.  - Trao đổi sản phẩm của mình với bạn trong nhóm. |
| **7.Củng cố.**  - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học.  - GV tóm tắt lại những nội dung chính.  - HS nêu ý kiên về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào).  - GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS. | - HS nhắc lại bài đã học.  - Nghe GV tóm tắt nội dung bài học. |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tiếng việt**

**CHỦ ĐỀ 2. MÁI ẤM GIA ĐÌNH**

**BÀI 223 + 224:ÔN TẬP( 2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

- Củng cố và nâng cao một số kiến thức, kĩ năng đã học trong bài *Mái ấm gia đình* thông qua thực hành nhận biết và đọc những tiếng có vần khó vừa được học; ôn và mở rộng vốn từ ngữ dùng để nói về gia đình và vể những người có quan hệ họ hàng nói chung; thực hành đọc mở rộng một bài thơ, một truyện kể hay quan sát một bức tranh vê' gia đình, nói cảm nghĩ về bài thơ, truyện kể hoặc bức tranh; thực hành nói và viết sáng tạo vê' một chủ điểm cho trước (gia đình).

- Bước đầu có khả năng khái quát hoá những gì đã học thông qua một số nội dung được kết nối từ các văn bản đã được học trong bài.

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

- Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm vai, thực hành, suy ngẫm

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

**1. GV**:- Phương tiện dạy học: Một số bài thơ, câu chuyện, tranh ảnh vê' chủ điểm gia đình (có thể lấy từ tủ sách của lớp) để HS có thể đọc, xem ngay tại lớp. Có thể dùng thiết bị máy chiếu để trình chiếu các vần HS cần luyện đọc.

**2. HS SGK, VBT,**

**IV.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Tìm từ ngữ có tiếng chứa vần *uya, uây, uyp, uynh, uych, uyu, oong****.*  - GV nêu nhiệm vụ và lưu ý HS từ ngữ cần tìm có thể đã học hoặc chưa học. Tuy nhiên, do phần lớn vần trên là những vần không thật phổ biến nên HS chủ yếu tìm trong các văn bản đã học.  - GV nên chia các vần này thành 2 nhóm (để tránh việc HS phải ôn một lần nhiều vần) và HS thực hiện nhiệm vụ theo từng nhóm vần.  - Nhóm vần thứ nhất:  + HS làm việc nhóm đôi để tìm và đọc từ ngữ có tiếng chứa các vần *uya, uây, uyp.*  + HS nêu những từ ngữ tìm được. GV đưa những từ ngữ này lên bảng.  + Một số (2 - 3) HS đánh vần, đọc trơn; mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ. Cả lớp đọc đồng thanh một số lần.  - Nhóm vẩn thứ hai:  + HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có tiếng chứa các vần *uynh, uych, uyu, oong.*  + HS nêu những từ ngữ tìm được. GV viết những từ ngữ này lên bảng.  + Một số (2 - 3) HS đánh vần, đọc trơn;  mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ. Cả lớp đọcđồng thanh một số lần.  **2.Tìm những từ ngữ chỉ người thân trong gia đình**.  -HS làm việc nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ. GV có thể gợi ý: Trong các từ ngữ đã cho, từ ngữ nào chỉ người có quan hệ ruột thịt với em.  - Những từ ngữ dùng để chỉ người thân trong gia đình: *ông nội, bà nội, anh trai, em trai, chị gái, em gái, ông ngoại, bà ngoại.*  -GV gọi một số HS trình bày. GV và HS nhận xét.  - HS làm việc nhóm đôi.  - GV có thể gợi ý:  + *Gia đình em có mấy người? ?Gồm những ai?*  *+ Mỗi người làm nghề gì?*  *+ Em thường làm gì cùng gia đình? Tình cảm của em đối với gia đình như thế nào?...*  \*Lưu ý: HS có thể chỉ chọn một số nội dung để nói, không nhất thiết phải nói hết các nội dung được gợi ý.  -Một số HS lên trình bày trước lớp, nói vê' gia đình của mình. Một số HS khác nhận xét, đánh giá.  -GV nhận xét, đánh giá chung và khen ngợi những HS thể hiện được tình cảm chân thành; chia sẻ được một số ý tưởng thú vị. Nói rõ các ưu điểm để HS cùng học hỏi.  **3. Nói về gia đình em**.  -HS làm việc nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ. GV có thể gợi ý:  + *Gia đình em có mấy người?*  *+ Gồm những ai?*  *+ Mỗi người làm nghề gì?*  *+ Em thường làm gì cùng gia đình?*  *+ Tình cảm của em đối với gia đình như thế nào?...*  \*Lưu ý: HS có thể chỉ chọn một số nội dung để nói, không nhất thiết phải nói hết các nội dung được gợi ý.  - Một số HS lên trình bày trước lớp, nói vê' gia đình của mình. Một số HS khác nhận xét, đánh giá.  - GV nhận xét, đánh giá chung và khen ngợi những HS thể hiện được tình cảm chân thành; chia sẻ được một số ý tưởng thú vị. Nói rõ các ưu điểm để HS cùng học hỏi. | - HS tìm các vần *uya, uây, uyp, uynh, uych, uyu, oong* trong các văn bản đã học trong chủ điểm: **Mái ấm gia đình**.  - HS làm việc theo hướng dẫn của GV.  + HS làm việc nhóm đôi để tìm và đọc các từ ngữ có vần *uya, uây, uyp.*  + Đại diện các nhóm nêu các từ ngữ có vần vừa tìm được.  + HS đọc vần vừa tìm được.  + HS làm việc nhóm đôi để tìm và đọc các từ ngữ có vần *uynh, uych, uyu, oong.*  + Đại diện các nhóm nêu các từ ngữ có vần vừa tìm được.  + HS đọc vần vừa tìm được.  - HS làm việc nhóm đôi để thực hiện theo yêu cầu và gợi ý của GV.  - Đại diện các nhóm trình bày và nhận xét các nhóm bạn.  - HS làm việc nhóm đôi Thảo luận các câu hỏi sau.  - Đại diện nhóm trả lời.  - Các nhóm khác NX-bổ sung.  - HS làm việc nhóm đôi  - Đại diện nhóm trả lời.  - Các nhóm khác NX-bổ sung.  - Đại diện nhóm lên trình bày trước lớp và chia sẻ một số ý tưởng cụ thể thú vị. |
| **4.Viết 1-2 câu về gia đình em**.  - GV nhắc lại một số ý mà HS đã trình bày và gợi ý những gì có thể nói thêm về gia đình.  -Từng HS tự viết 1-2 câu về gia đình theo suy nghĩ riêng của mình. Nội dung viết có thể dựa vào những gì mà các em đã nói trong nhóm đôi, kết hợp với nội dung mà GV và một số bạn đã trình bày trước lớp.  - GV nhận xét một số bài, khen ngợi một số HS viết hay, sáng tạo. | - Nghe Gv gợi ý và viết câu.  - Các hs tự viết câu theo gợi ý theo suy nghĩ của riêng mình. |
| **5. Đọc mở rộng**.  - Trong buổi học trước, GV đã giao nhiệm vụ cho HS tìm một bài thơ hoặc một câu chuyện về gia đình. GV có thể chuẩn bị một số bài thơ, câu chuyện phù hợp (có thể lấy từ tủ sách của lớp) và cho HS đọc ngay tại lớp.  - HS làm việc nhóm đôi hoặc nhóm 4. Các em đọc thơ, kể chuyện vừa đọc cho bạn nghe.  - Một số (3 - 4) HS đọc thơ, kể lại câu chuyện hay chia sẻ ý tưởng về bài thơ, câu chuyện trước lớp. Một số HS khác nhận xét, đánh giá.  - GV nhận xét, đánh giá chung và khen ngợi những HS có cách đọc thơ, kể chuyện hấp dẫn hoặc chia sẻ một số ý tưởng thú vị. Nói rõ các ưu điểm để HS cùng học hỏi.  **6.Củng cố**.  - GV tóm tắt lại nội dung chính; nhận xét, khen ngợi, động viên HS. | - Hs nghe và làm việc theo yêu cầu của GV.  - Hs hoạt động nhóm 4 vừa đọc thơ và kể chuyện đọc cho các bạn trong nhóm nghe.  + Một số Hs đọc thơ, kể chuyện vừa chia sẻ trong nhóm trước lớp nghe. |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Ôn Linh hoạt**

**Chủ điểm: MÁI ẤM GIA ĐÌNH**

**LUYỆN TẬP (2 TIẾT)**

**I. MỤC TIÊU**

- Củng cố và nâng cao một số kiến thức, kĩ năng đã học trong bài *Nụ hôn trên bàn tay,Làmanh, Cả nhà đi chơi núi, Quạt cho bà ngủ, Bữa cơm gia đình, Ngôi nhà* thông qua thực hành nhận biết; thực hành nói và viết sáng tạo về một chủ điểm cho trước (gia đình).

- Sắp xếp các từ ngữ thành câu và viết vào vở

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

- Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm vai, thực hành, suy ngẫm

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

**a.GV**:- Phương tiện dạy học: Một số bài thơ, câu chuyện, tranh ảnh vê' chủ điểm gia đình (có thể lấy từ tủ sách của lớp) để HS có thể đọc, xem ngay tại lớp. Có thể dùng thiết bị máy chiếu để trình chiếu các vần HS cần luyện đọc.

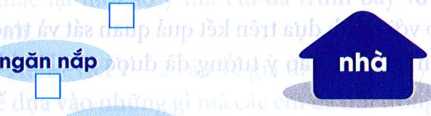
**b.HS**. SGK, VBT,

**IV.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | Hoạt động của HS |
| **Bài 1. NỤ HÔN TRÊN BÀN TAY**.  Sắp xếp các từ ngữ thành câu và viết vào vở  *+ Nam, mẹ, được, đến trường, đưa*  *+ cảm thấy, Nam, ngày đầu tiên, lo lắng, đi học*  - GV yêu cầu HS sắp xếp các từ ngữ trong từng dòng sau thành câu:  - GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi. Một số (2 - 3) nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất phương án đúng.  **Bài 2. LÀM ANH**.  Viết một câu phù hợp với tranh  - GV cho HS quan sát tranh vẽ hai anh em đang chơi cầu trượt ở công viên (SHS trang 29) và trao đổi vê' tranh.  - GV cho HS làm việc nhóm đôi. Một số HS trình bày kết quả trao đổi của nhóm. GV gợi ý thêm về tranh. Lưu ý tôn trọng những gì HS quan sát và nhận xét về tranh. Khuyến khích các ý tưởng mang rõ dấu ấn cá nhân.  - HS viết vào vở một câu phù hợp với tranh dựa trên kết quả quan sát và trao đổi trong nhóm của mình. HS cũng có thể tham khảo ý tưởng đã được các HS khác chia sẻ trước lớp và gợi ý của GV.  **Bài 3. CẢ NHÀ ĐI CHƠI NÚI.**  Sắp xếp các từ ngữ thành câu và viết vào vở  GV yêu cầu HS sắp xếp các từ ngữ trong từng dòng sau thành câu:  *+ đi chơi, Nam, thích, gia đình, cùng*  *+ Vân, bố mẹ, được, cho, về quê, chơi*  - GV nếu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi. Một số (2 - 3) nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất phương án đúng. *(Nam thích đi chơi cùng gia đình. / Vân được bố mẹ cho về quê chơi.)*  + HS viết vào vở các câu đã được sắp xếp đúng. | *-Nam được mẹ đưa đến trường.*  *-Ngày đầu tiên đi học, Nam cảm thấy lo lắng.)*  - HS làm việc nhóm đôi. Một số (2 - 3) nhóm trình bày kết quả.  - HS viết vào vở các câu đã được sắp xếp đúng.  - HS quan sát tranh vẽ hai anh em đang chơi cầu trượt ở công viên (SHS trang 29) và trao đổi về tranh.  - HS làm việc nhóm đôi. Một số HS trình bày kết quả trao đổi của nhóm.  **-** HS viết vào vở một câu phù hợp với tranh dựa trên kết quả quan sát và trao đổi trong nhóm của mình.  - HS làm việc nhóm đôi. Một số (2 - 3) nhóm trình bày kết quả.  *- Nam thích đi chơi cùng gia đình.*  *- Vân được bố mẹ cho về quê chơi.*  - HS đọc lại câu hoàn chỉnh  - HS viết vào vở các câu đã được sắp xếp đúng. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Bài 4. QUẠT CHO BÀ NGỦ.**  Chép lại khổ thơ có nội dung phù hợp với tranh  - GV nêu nhiệm vụ. HS làm việc nhóm đôi, quan sát tranh (SHS trang 34) và trao đổi về các chi tiết trong tranh.  - Một số HS trình bày kết quả trao đổi của nhóm. GV có thể bổ sung thêm một số chi tiết trong tranh, nếu HS chưa nói đến (Bà nằm ngủ, ngoài cửa sổ có cành khế, cành cam đang ra hoa).  - GV trình chiếu lại bài thơ *Quạt cho bà ngủ* và yêu cầu HS tìm và chép lại khổ thơ có nội dung phù hợp với tranh.  **Bài 5. BỮA CƠM GIA ĐÌNH**.  Sắp xếp các từ ngữ thành câu và viết vào vở  - GV yêu cầu HS sắp xếp các từ ngữ trong từng dòng sau thành câu:  *+ nghe, bà, cháu, kể chuyện, thường, cho*  *+ bóng đá, bố con, hai, xem, thường, với nhau*  *- Gv* nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi. Một số (2 - 3) nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất phương án đúng. | -HS làm việc nhóm đôi, quan sát tranh (SHS trang 34) và trao đổi về các chi tiết trong tranh.  - HS tìm và chép lại khổ thơ có nội dung phù hợp với tranh.  - HS làm việc nhóm đôi. Một số (2 - 3) nhóm trình bày kết quả.  -*Bà thường kể chuyện cho chấu nghe* hoặc *Cháu thường kể chuyện cho bà nghe.*  *- Hai bố con thường xem bóng đá với nhau.)*  - HS đọc lại câu hoàn chỉnh  - HS viết vào vở các câu đã được sắp xếp đúng |

**Bài 6. NGÔI NHÀ**.

 Đánh dấu x dưới những từ ngữ có kết hợp với từ *nhà*

sạch sẽ gọn gàng

rộng rãi □ □

nhanh nhẹn

□

chung cư

Chúm chím

□

Thoáng mát

tre

□

gỗ

□

GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi, quan sát hình minh hoạ để chọn những từ ngữ có thể kết hợp được với từ *“nhà”.*

- Một số (2 - 3) nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất phương án đúng. GV có thể gợi ý cho HS, chẳng hạn, có thể nói *nhà sạch sẽ,* chứ không thể nói *nhà nhanh nhẹn.* (Các từ ngữ được chọn: *sạch sẽ, gọn gàng, gỗ, tre, thoáng mát, chung cư, ngăn nắp, rộng rãi.* Các từ *nhanh nhẹn, chúm chím* thì không phù hợp.)

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**MÁI TRƯỜNG MẾN YÊU**

**BÀI 1: TÔI ĐI HỌC( 4 tiết)**

**I. MỤC TIÊU:**

Hình thành và phát triển năng lực

**1.Phát triển kĩ năng đọc**: Thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một VB tự sự ngắn và đơn giản, kể lại một trải nghiệm từ ngôi thứ nhất; đọc đúng vần *yêm* và tiếng, từ ngữ có vần này hiểu và trả lời các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

**2. Phát triển kĩ năng viết**: thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn ngắn.

**3. Phát triển kĩ năng nói và nghe**: thông qua trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

**4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung**: tình cảm đối với bạn bè, thầy cô, trường lớp; khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc của bản thân; khả năng làm việc nhóm.

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

- Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm vai, thực hành, suy ngẫm

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

**1.Kiến thức ngữ văn:**

- GV nắm được đặc điểm VB tự sự, kể lại một trải nghiệm từ ngôi thứ nhất; nắm được nội dung VB *Tôi đi học;* cách thể hiện đặc điểm nhân vật và quan hệ giữa các nhân vật trong VB.

-GV nắm được đặc điểm phát âm, cấu tạo vần *yêm;* nghĩa của các từ ngữ khó trong VB *(buổi mai, âu yếm, bỡ ngỡ, nép)* và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**2. Kiến thức đời sống:**

- Hiểu tâm lí chung của HS lớp 1 trong ngày đầu đến trường.

Nắm được những hoạt động diễn ra ở trường lớp và xác định những hoạt động nào thường khiến HS thấy vui, thấy thân thiết với thầy cô, bạn bè.

**3. Phương tiện dạy học**

-Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

**IV.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của GV** |
| **1. Ôn và Khởi động:**  **Ôn**: + Các em vừa học chủ điểm nào?  + Gia đình em gồm có mấy người, em là con lớn hay con nhỏ trong gia đình, năm nay mấy tuổi, khi được đi học thì em cảm nhận ra sao?  **Khởi động:**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi  a. *Hình ảnh bạn nào giống với em trong ngày đầu đi học?* | + Hs TL.  - HS – QS và trả lời. |
| b. *Ngày đầu đi học của em có gì đáng nhớ?).*  - GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời, sau đó dẫn vào bài đọc *Tôi đi học.*  + Chỉ rõ một bạn trong tranh và nêu điểm giống.  \* VD: khóc nhè, đến trường cùng các bạn khác, bố mẹ chở đi, vui vẻ chào bố mẹ. Kể lại một kỉ niệm trong ngày đầu đi học.) Cho Hs hát bài hát “ | - Một số (2 - 3) HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác. |
| **2. Đọc:**  - GV đọc mẫu toàn bài. Chú ý đọc đúng lời người kể (nhấn vật “tôi”), ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ.  **\* Luyện đọc từ.**  + HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có vần mới trong bài đọc *(âu yếm).*  + GV ghi bảng: *âu yếm*  + GV đọc mẫu vần *yêm* và từ: *âu yếm.* | - Lắng nghe.  - HĐ nhóm đôi:  - Đọc CN-ĐT. |
| **\*Luyện đọc câu:**  + Gọi HS đọc nối tiếp từng câu lần 1.  GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số tiếng khó: *quanh, nhiền, hiền, riêng.*  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 2.  - GV hướng dẫn HS đọc những câu dài.  VD: *Một buổi mai,/ mẹ âu yếm nắm tay tôi/ dẫn đi trên con đường làng/ dài và hẹp; Con đường này/ tôi đã đỉ lại nhiều lần,/ nhưng lần này/ tự nhiên thấy lạ; Tôi nhìn bạn ngồi bên,/ người bạn chưa quen biết,/ nhưng không thấy xa lạ chút nào.*  - GV chỉnh sửa. | - Đọc nối tiếp câu (lần 1).  + Đánh vần-đọc trơn, CN-ĐT.  - Đọc nối tiếp câu (lần 2). |
| **\* Luyện đọc đoạn:**  + GV chia đoạn:  - Đoạn 1: từ đầu đến *tôi đi học.*  - Đoạn 2: phần còn lại.  - Y/C- HS đọc nối tiếp đoạn, kết hợp giải nghĩa từ:  *- buổi mai:*  buổi sáng sớm.  *- âu yếm:* biểu lộ tình yêu thương bằng dáng điệu, cử chỉ, giọng nói.  - *bỡ ngỡ:* ngơ ngác, lúng túng vì chưa quen thuộc.  -*nép:* thu người lại và áp sát vào người, vật khác để tránh hoặc để được che chở).  **- HS đọc đoạn theo nhóm**  + HS luyện đọc nhóm 2.  + Thi đọc nhóm 2.  + Gọi 1-3 HS thi đọc toàn bài.  - Gv đọc lại toàn bài. | + HS đọc nối tiếp từng đoạn (2 lượt). Kết hợp giải nghĩa từ.  + Đọc nhóm 2.  + Thi đọc giữa các nhóm.  + 3 HS thi đọc toàn bài. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **3.Trả lời câu hỏi.**  - GV yêu cầu đọc thầm đoạn 1.  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm và TLCH: | - Đọc thầm đoạn 1.  + HĐ nhóm đôi, trả lời cho từng câu hỏi.  - Gọi HS đại diện nhóm trả lời |
| 1. *Ngày đầu đi học, bạn nhỏ thấy cảnh vật xung quanh ra sao?*   - GV yêu cầu đọc thầm đoạn .  *b. Những học trò mới đã làm gì khi còn bỡ ngỡ?*  *c. Bạn nhỏ thấy người bạn ngồi bên thế nào ?*  - GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.  - GV và HS thống nhất câu trả lời  \* Lưu ý: GV có thể chủ động chia nhỏ câu hỏi hoặc bổ sung câu hỏi để dẫn dắt HS. | a. Ngày đầu đi học, bạn nhỏ thấy cảnh vật  xung quanh đều thay đổi hoặc Ngày đầu đi học, bạn nhỏ thấy tất cả cảnh vật xung quanh đều thay đổi, con đường đang rất quen bỗng thành lạ.   |  | | --- | | - Đọc thầm đoạn 2.  b. Những học trò mới đứng nép bên người thân.  c. Bạn nhỏ cảm nhận người bạn ngồi bên không xa lạ chút nào. | |
| **4.Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a ở mục 3.**  - GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở.  - GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đẩu câu; đặt dấu chấm, dấu phẩy đúng vị trí.  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS | - Viết bài vào vở:  Ngày đầu đi học, bạn nhỏ thấy cảnh vật xung quanh đều thay đổi.. |

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **5.Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở.**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả.  - GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS. | - HĐ nhóm bàn.  Cô giáo âu yếm nhìn các bạn chơi ở sân trường*.* + Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh.+ Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên tôi thấy xa lạ. |
| **6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh.**  - GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh.  -Yêu cẩu HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý  - GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh.  - HS và GV nhận xét | - HĐ nhóm 4.  - QS và nói theo tranh. |

**TIẾT 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **7. Nghe viết.**  - GV đọc to cả hai câu (Mẹ *dẫn tôi đỉ trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã đi lại nhiều mà sao thấy lạ.)*  - GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết.  + Viết lùi đầu dòng. Viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu có dấu chấm.  + Chữ dễ viết sai chính tả: *đường, nhiều,...*  - GV yêu cẩu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.  - Đọc và viết chính tả:  + GV đọc từng câu cho HS viết. Mỗi câu cần đọc theo từng cụm từ (Mẹ *dẫn tôi đi/ trên con đường làng/ dài và hẹp./ Con đường/ tôi đã đi lại nhiều/ mà sao thấy lạ.).* Mỗi cụm từ đọc 2-3 lần. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.  + Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi.  + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi.  + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS. | - Nghe, viết bài vào vở.  Mẹ dẫn tôi đi trên con đường dài và hẹp. Con đường này tôi đã đi lại nhiều mà sao thấy lạ.  - Đổi vở soát lỗi bài. |
| 8**.Tìm trong hoặc ngoài bài đọc *Tôi đi học* từ ngữ có tiếng chứa vần *ương, ươn, ươi, ươu.***  - GV nêu nhiệm vụ và lưu ý HS từ ngữ cần tìm có thể có ở trong bài hoặc ngoài bài.  - HS làm việc nhóm đôi để tìm và đọc thành tiếng từ ngữ có tiếng chứa các vẩn *ương, ươn, ươi, ươu.*  - HS nêu những từ ngữ tìm được. GV viết những từ ngữ này lên bảng.  - Một số (2 - 3) HS đánh vần, đọc trơn; mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một sò lần. | - HĐ nhóm đôi.  - Tìm tiếng ngoài bài chứ tiếng có:  - Vần ương: |
| **9. Hát một bài hát về ngày đầu đi học.**  - HS nghe bài hát qua băng đĩa, youtube hoặc qua sự thể hiện của một HS trong lớp.  - GV đưa ra một vài câu hỏi giúp HS hiểu lời bài hát.  - HS nói một câu về ngày đầu đi học. | - Cả lớp hát bài: Ngày đầu tiên đi học. |
| **10.Củng cố.**  - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.  - HS nêu ý kiến vê' bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS. | - Nhắc lại tên bài học. |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: | Ngày giảng: Thứ .....ngày: |

**Bài 2 : ĐI HỌC( 2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

Hình thành và phát triển năng lực

**1.Phát triển kĩ năng đọc** thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một bài thơ; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến nội dung bài thơ; nhận biết một số tiếng cùng vần với nhau, củng cố kiến thức về vần; thuộc lòng bài thơ và cảm nhận được vẻ đẹp của bài thơ qua vần và hình ảnh thơ; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

**2.Phát triển kĩ năng nói và nghe** thông qua hoạt động trao đổi vê' nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

3.Phát triển phẩm chất và năng lực chung: tình cảm đối với trường lớp và thầy cô giáo; khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc của bản thân; khả năng làm việc nhóm.

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

- Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm vai, thực hành, suy ngẫm

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

**1. Kiến thức ngữ văn**

- GV nắm vững đặc điểm vẩn, nhịp và nội dung bài thơ *Đi học* của tác giả Hoàng Minh Chính; biết hát bài hát *Đi học* do Bùi Đình Thảo phổ nhạc.

- GV nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB *(nương, thầm thì)* và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**2. Kiến thức đời sống**

- Sự khác biệt vể khung cảnh của ngôi trường tiểu học ở vùng cao (như được miêu tả trong bài thơ *Đi học)* và ở các vùng khác, ví dụ ở thành phố, ở nông thôn miền Bắc, nông thôn miền Nam...

**3. Phương tiện dạy học**

- Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phẩn mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

- Clip nhạc bài hát *Đi học* của Bùi Đình Thảo

**IV.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của GV** |
| **1.Ôn và khởi động.**  - **Ôn**: HS nhắc lại tên bài học trước và nói vể một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.  - **Khởi động**:  + GV yêu cẩu HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi  + Các *bạn trông như thế nào khi đi học?*  *+ Nói về cảm xúc của em sau mỗi ngày đi học?.*  - Gọi 2-3 HS TL.  - NX, tuyên dươg.  + GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời, sau đó dẫn vào bài thơ *Đi học.* | - HS – QS tranh.  -2 -3 HS - TL.  - NX câu TL bạn. |
| **2. Đọc.**  - GV đọc mẫu cả bài thơ. Chú ý đọc diễn cảm, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ.  - HS đọc từng dòng thơ  + Gọi HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 1.  - Luyện từ ngữ: *nương, lặng, râm,...*  - GV- NX – chỉnh sửa.  + Gọi HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 2.  - GV hướng dẫn HS cách đọc, ngắt nghỉ đúng dòng thơ, nhịp thơ.  - HS đọc từng khổ thơ  + GV hướng dẫn HS nhận biết khổ thơ.  + Một số HS đọc nối tiếp từng khổ, 2 lượt.  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài thơ  *- Nương:* đất trồng trọt ở vùng đồi núi.  - *Thầm thì: ở* đây tiếng suối chảy nhẹ nhàng, khe khẽ như tiếng người nói thầm với nhau.  + HS đọc từng khổ thơ theo nhóm.  + Một số HS đọc khổ thơ, mỗi HS đọc một khổ thơ. Các bạn nhận xét, đánh giá.  - HS đọc cả bài thơ  + 1 - 2 HS đọc thành tiếng cả bài thơ.  + Lớp đọc đồng thanh cả bài thơ. | - Nghe.  - Đọc nối tiếp từng dòng thơ (lần 1)  - Đọc CN-ĐT  - Đọc nối tiếp từng dòng thơ (lần 2)  - Đọc nối tiếp từng khổ thơ, kết hợp nghĩa từ.  - HS đọc nối tiếp từng khổ thơ theo nhóm.  - Đọc CN- ĐT. |
| **3.Tìm ở cuối các dòng thơ những tiếng cùng vần với nhau.**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, cùng đọc lại bài thơ và tìm những tiếng có vần giống nhau ở cuối các dòng thơ.  - HS viết những tiếng tìm được vào vở.  - GV yêu cầu một số HS trình bày kết quả. GV và HS nhận xét, đánh giá.  - GV và HS thống nhất câu trả lời. | - SH tìm : trường - nương  Từng- rừng  Dạy - hay  Hương – đường... |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **4.Trả lời câu hỏi.**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu bài thơ và trả lời các câu hỏi  a. Vì sao hôm nay bạn nhỏ đi học một mình?  b. Trường của bạn nhỏ có đặc điểm gì?  c. Cảnh trên đường đến trường có gì?. | - Vì hôm nay mẹ lên nương....  - Ngôi trường be bé, nằm ở giữa rừng cây, có cô giáo trẻ,...  - Có nước suối, cây cọ. |
| - HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi và trả lời từng câu hỏi.  - GV đọc từng câu hỏi và gọi một số HS trình bày câu trả lời. Các bạn nhận xét, đánh giá.  - GV và HS thống nhất câu trả lời. |  |
| **5. Học thuộc lòng.**  - GV treo bảng phụ hoặc trình chiếu hai khổ thơ đầu.  - Một HS đọc thành tiếng hai khổ thơ đầu.  - GV hướng dẫn HS học thuộc lòng hai khổ thơ đẩu bằng cách xoá/ che dần một số từ ngữ trong bài thơ cho đến khi xoá/ che hết. HS nhớ và đọc thuộc cả những từ ngữ bị xoá/ che dần. Chú ý để lại những từ ngữ quan trọng cho đến khi HS thuộc lòng hai khổ thơ. | - HS đọc CN - ĐT  - Đọc theo tổ dãy bàn, CN |
| **6. Hát một bài hát về thầy cô.**  - GV Sử dụng clip bài hát để cả lớp cùng hát theo.  - HS tập hát.  + HS hát theo từng đoạn của bài hát.  + HS hát cả bài. | - HS hát bài đã học. |
| **7.Củng cố.**  - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.  - HS nêu ý kiến vê' bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS vể bài học.  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS. | - Nhắc lại tên bài học. |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Bài 3 : HOA YÊU THƯƠNG( 4 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

Hình thành và phát triển năng lực

**1. Phát triển kĩ năng đọc** thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một VB tự sự ngắn và đơn giản, kể lại một trải nghiệm từ ngôi thứ nhất; đọc đúng vẩn *oay* và những tiếng, từ ngữ có các vần này; hiểu và trả lời các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

**2. Phát triển kĩ năng viết** thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn ngắn

**3. Phát triển kĩ năng nói và nghe** thông qua trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh

**4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung**: tình cảm đối với thầy cô và bạn bè; khả năng nhận biết và bày tỏ tình cảm, cảm xúc của bản thân; khả năng làm việc nhóm

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

- Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm vai, thực hành, suy ngẫm

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

**1. Kiến thức ngữ văn**

- GV nắm được đặc điểm của một VB tự sự, kể lại một trải nghiệm từ ngôi thứ nhất; nội dung của VB *Hoa yêu thương.*

- GV nắm được đặc điểm phát âm, cấu tạo vần *oay;* nghĩa của các từ ngữ khó trong VB *(hí hoáy, tỉ mỉ, nhuỵ hoa, nắn nót, sáng tạo')* và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**2. Kiến thức đời sống**

- Tìm hiểu những tấm gương cao đẹp của thầy cô giáo về lòng nhân hậu, đức hi sinh, hết lòng vì HS thân yêu (qua liên hệ thực tế, qua khai thác thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng,...).

- Biết về các nhân vật hoạt hình trẻ em rất yêu thích: siêu nhân, mèo máy Đô-rê-mon,... để nắm bắt sở thích của HS trong lớp, giúp các em hiểu hơn nội dung bài đọc.

**3. Phương tiện dạy học**

- Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

**IV.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của GV** |
| **1.Ổn và khởi động.**  - Ôn: HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.  - Khởi động:  + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi  a. *Nói về việc làm của cô giáo trong tranh.*  b. *Nói về thầy giáo hoặc cố giáo của em.*  + Một số (2 - 3) HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung nêu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác.  + GV gợi ý cho HS trả lời  Gợi ý: *Cô giáo đang dạy HS tập viết;* sau đó dẫn vào bài đọc *Hoa yêu thương.* | - HS nhắc lại nội dung bài đã học.  - QS  - 2-3 HS – TL.  + *Cô giáo đang dạy HS tập viết*  *+ Hoa yêu thương.* |
| **2.Đọc.**  - GV đọc mẫu toàn VB.  - GV hướng dẫn HS luyện phát âm từ ngữ có vần mới.  + HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có vần mới trong bài đọc *(hí hoáy).*  + GV đưa từ *hí hoáy* lên bảng và hướng dẫn HS đọc.  - GV đọc mẫu vẩn *oay* và từ *hí hoáy.*  + Y/c HS đánh vần, đọc trơn  - HS đọc câu  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1.  - GV hướng dẫn HS luyện phát âm: *yêu, hí hoáy, nhuỵ, thích, Huy*  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lẩn 2. GV hướng dẫn HS đọc những câu dài. (VD: *Chúng tôi/ treo bức tranh/ ở góc sáng tạo của lớp.)*  - HS đọc đoạn  + GV chia VB thành các đoạn (đoạn 1: từ đầu đến *cái ria cong cong,* đoạn 2: phần còn lại).  + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn.  - GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài:  *-hí hoáy:* chăm chú và luôn tay làm việc gì đó.  - *Tỉ mỉ:* kĩ càng từng cái rất nhỏ.  - *Nắn nót:* làm cẩn thận từng tí cho đẹp, cho chuẩn.  - *Sáng tạo:* có cách làm mới.  - *Nhuỵ hoa:* bộ phận của một bông hoa, sau phát triển thành quả và hạt, thường nằm giữa hoa.  + HS luyện đọc đoạn theo nhóm.  + Thi đọc đoạn theo nhóm.  - HS và GV đọc toàn VB  + 1 - 2 HS đọc thành tiếng toàn VB.  - GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi. | + Lắng nghe.  + HĐ nhóm đôi để tìm từ ngữ có vần mới trong bài.  - Đt - CN.  - Đánh vần - đọc trơn. ĐT - CN  - HS đọc nối tiếp từng câu (lần 1).  - Luyện đọc CN-ĐT.  - HS đọc nối tiếp từng câu (lần 2).  - Đọc CN.  - Bài chia làm 2 đoạn  - Đọc nối tiếp đoạn. (2 lượt)  - Đọc nhóm.  - Thi đọc giữa các nhóm.  - 2-3 HS đọc toàn bài. |

**TIÊT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **3.Trả lời câu hỏi.**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi  a. *Lớp của bạn nhỏ có mấy tổ?*  b. *Bức tranh bông hoa bổn cánh được đặt tên là gì?*  c. *Theo em, có thể đặt tên nào khác cho bức tranh).*  - HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi về bức tranh minh hoạ và câu trả lời cho từng câu hỏi.  - GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.  \* Lưu ý: GV có thể chủ động chia nhỏ câu hỏi hoặc bổ sung câu hỏi để dẫn dắt HS (nếu cần). | - HĐ nhóm.  *+Lớp của bạn nhỏ có bốn tổ.*  + *Bức tranh bông hoa bốn cánh được đặt tên là “Hoa yêu thương”.*  +*Hoa tình thương, Hoa đoàn kết,*  *Lớp học mến yêu, Lớp học tôi yêu,Bông*  *hoa yêu thương, Bức tranh đặc biệt….* |
| **4.Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi c ở mục 3.**  - GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi c (có thể trình chiếu lên bảng một lúc để HS quan sát) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở. *(Bức tranh có thể đặt tên khác là)*  - GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu; đặt dấu chấm, dấu phẩy đúng vị trí.  - GV kiểm tra và NX bài của một số HS | + 1 Số hs nhắc lại ghi nhớ câu trả lời.  + Quan sát và viết bài, các quy trình viets bài đã được hướng dẫn và tô chữ hoa riêng biệt.  Bức tranh có thể đặt tên khác là. |

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| 5**.Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở.**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất câu hoàn thiện.  - GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một sổ HS.  **6.Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh.**  - GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh.  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý.  - GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh.  - HS và GV nhận xét. | + HĐ nhóm để tìm câu hoàn thiện.  - HS chọn từ ngũ hoàn thiện câu:  *- Bé tô, bé vẽ.*  - *Phương ngắm nhìn dòng chữ nắn nót trên bảng.*  *- An hí hoáy viết bài.*  - QS tranh.  - HS – HĐ nhóm.  - Đại diện nhóm trình bày kết quả. |

**TIẾT 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **7. Nghe viết.**  - GV đọc to cả hai câu *(Các bạn đều thích bức tranh bông hoa bôn cánh. Bức tranh được treo ở góc sáng tạo của lớp.)*  - GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết.  + Viết lùi vào đầu dòng. Viết hoa chữ cái đẩu câu, kết thúc câu có dấu chấm.  + Chữ dễ viết sai chính tả: *thích, tranh,...*  - GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cẩm bút đúng cách.  - Đọc và viết chính tả:  + GV đọc từng câu cho HS viết. Mỗi câu cẩn đọc theo từng cụm từ *(Các bạn/ đều thích/ bức tranh bống hoa bốn cánh./ Bức tranh/ được treo/ ở góc sáng tạo của lớp).* Mỗi cụm từ đọc 2-3 lần. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.  + Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi  + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi.  + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS. | - Viết bc tiếng khó: thích, tranh, sáng,..  - Nghe viết bài vào vở.  Các bạn đều thích bức tranh bông hoa bốn cánh, Bức tranh được treo ở góc sáng tạo của lớp.  - Đổi vở soát lỗi chính tả.  - NX. |
| **8.Chọn chữ phù hợp thay cho bông hoa.**  - GV có thể sử dụng bảng phụ để hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu.  - GV nêu nhiệm vụ. HS làm việc nhóm đôi để tìm những chữ phù hợp.  - Gọi đại diện nhóm lên trình bày kết quả trước lớp.  - Một số HS đọc to các từ ngữ. Sau đó cả lớp đọc đổng thanh một số lần. | - HĐ nhóm đôi.  - Đại diện nhóm trình bày trước lớp.  - Đọc ĐT-CN. |
| **9.Vẽ một bức tranh về lớp em (lớp học, thầy cô, bạn bè,...) và đặt tên cho bức tranh em vẽ**.  - GV cho HS chuẩn bị dụng cụ vẽ (bút, giấy,...) và gợi ý nội dung vẽ: vẽ cảnh lớp học, vẽ một góc lớp học, một đồ vật thân thiết trong lớp học, vẽ thầy cô, nhóm bạn bè, vẽ một bạn trong lớp,...  - Hướng dẫn HS đặt tên tranh để thể hiện nội dung, ý nghĩa bức tranh. Tên tranh có thể đặt theo nghĩa thực *(Lớp tôi, Cô giáo tôi, Bạn thân, Góc sáng tạo của lớp,...)* hoặc theo nghĩa bóng *(Nơi yêu thương ấy, Ấm áp tình thân,...).*  - 3 - 4 HS dán tranh lên bảng và nói về bức tranh vừa vẽ (nội dung, ý nghĩa, mục đích,...).  GV và HS khác nhận xét | - HS vẽ bài vào vở.  - HS trưng bầy sản phẩm. |
| **10.Củng cố.**  - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.  - HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). GV tiếp nhận ý kiến phản hổi của HS về bài học.  GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS. | - Nhắc lại tên đầu bài. |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: | Ngày giảng: Thứ .....ngày: |

**Bài 4 : CÂY BÀNG VÀ LỚP HỌC( 2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

Hình thành và phát triển năng lực

**1.Phát triển kĩ năng đọc** thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một bài thơ; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến nội dung bài thơ; nhận biết một số tiếng cùng vần với nhau, củng cố kiến thức về vần; thuộc lòng hai khổ thơ và cảm nhận được vẻ đẹp của bài thơ qua vần và hình ảnh thơ; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

**2.Phát triển kĩ năng nói và nghe** thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

**3.Phát triển phẩm chất và năng lực chung:** tình yêu đối với trường lớp, thầy cô và bạn bè; khả năng làm việc nhóm; khả năng nhận ra những vấn đề đơn giản và đặt câu hỏi.

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

- Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm vai, thực hành, suy ngẫm

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

**1.Kiến thức ngữ văn**

GV nắm được đặc điểm vần, nhịp và nội dung của bài thơ *Cây bàng và lớp học;* nghĩa của một số từ ngữ khó trong bài thơ *(tán lá, xanh mướt, tưng bừng)* và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**2.Phương tiện dạy học**

Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

**IV.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**TIÉT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1.Ôn và khởi động.**  **- Ôn**: HS nhắc lại tên bài học trước và nói vê' một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.  **- Khởi động**:  + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi:  a. *Tranh vẽ cây gì?*  b. *Em thường thấy cây này ở đâu?.*  + Một số (2 - 3) HS trả lời câu hỏi.  - Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác. | + *Bức tranh bông hoa yêu thương,…*  *- QS tranh và TLCH.*  + *Cây bàng và lớp học.*  *+ Ở sân trường,…* |
| **2.Đọc.**  - GV đọc mẫu toàn bài thơ. Chú ý đọc diễn cảm, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ.  - HS đọc từng dòng thơ  + Một số HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 1. GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ có thể khó đối với HS *(xoè, xanh mưốt, quên, buổi, tưng bừng).*  + Một số HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 2. GV hướng dẫn HS cách đọc, ngắt nghỉ đúng dòng thơ, nhịp thơ.  - HS đọc từng khổ thơ  + GV hướng dẫn HS nhận biết khổ thơ.  + Một số HS đọc nối tiếp từng khổ, 2 lượt.  + GV giải thích nghĩa từ:  *- tán lá:* lá cây tạo thành hình như cái tán  -*xanh mướt:* rất xanh và trông thích mắt; *tưng bừng:* nhộn nhịp, vui vẻ).  + HS đọc từng khổ thơ theo nhóm.  + Một số HS đọc khổ thơ, mỗi HS đọc một khổ thơ. Các bạn nhận xét, đánh giá.  - HS đọc cả bài thơ  + 1 - 2 HS đọc thành tiếng cả bài thơ.  + Lớp đọc đồng thanh cả bài thơ. | - Nghe.  - Đọc nối tiếp từng dòng thơ.  - Luyện đọc từ khó. CN-ĐT  - Đọc nối tiếp từng dong thơ. (Lần 2)  - Đọc nối tiếp khổ thơ 2 lượt.  - Nghe GV giải nghĩa từ.  - Đọc ĐT theo nhóm.  - Các nhóm khác NX.  - Đọc lại toàn bộ bài thơ.  - Đọc CN-ĐT. |
| **3.Tìm ở cuối các dòng thơ những tiếng cùng vần với nhau.**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, cùng đọc lại bài thơ và tìm những tiếng cùng vần với nhau ở cuối các dòng thơ.  - HS viết những tiếng tìm được vào vở.  - GV yêu cầu một số HS trình bày kết quả. GV và HS nhận xét, đánh giá.  - GV và HS thống nhất câu trả lời | - HS tìm: già - ra, bài - mai - lại, nắng - vắng, bừng - mừng. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **4.Trả lời câu hỏi.**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu bài thơ và trả lời các câu hỏi  a. *Trong khổ thơ đầu, cây bàng như thế nào?*  b. *Cây bàng ghé cửa lớp để làm gì?*  *c. Thứ hai, lớp học như thế nào?.*  - HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi và trả lời từng câu hỏi.  - GV đọc từng câu hỏi và gọi một số HS trình bày câu trả lời. Các bạn nhận xét, đánh giá.  - GV và HS thống nhất câu trả lời. | *a. Cây bàng trồng đã lâu năm (già), nhưng vẫn xanh tốt (Tán lá xoè ra/ Như ô xanh mướt)*  *b. Cây bàng ghé cửa lớp để nghe cồ giáo giảng bài.*  *c. Thứ hai, lớp học nhộn nhịp và vui vẻ (tưng bừng).* |
| **5.Học thuộc lòng**.  - GV treo bảng phụ hai khổ thơ đầu.  - Một HS đọc thành tiếng hai khổ thơ đầu.  - GV hướng dẫn HS học thuộc lòng hai khổ thơ đầu bằng cách xoá/ che dần một số từ ngữ trong hai khổ thơ này cho đến khi xoá/ che hết. HS nhớ và đọc thuộc cả những từ ngữ bị xoá/ che dần. Chú ý để lại những từ ngữ quan trọng cho đến khi HS thuộc lòng cả hai khổ thơ. | - Đọc ĐT-CN- tổ- nhóm. |
| ***6.Trò chơi Ngôi trường mơ ước:* Nhìn hình nói tên sự vật**.  - Mục tiêu: mở rộng và tích cực hoá vốn từ theo chủ đề trường học.  - Nội dung: GV sử treo tranh vẽ, HS nhìn hình ảnh để gọi tên không gian của trường học. Chia nhóm để chơi, nhóm nào đoán nhanh và trúng nhiều nhất là thắng | - HS- QS  - HS chơi theo nhóm.  - Các nhóm NX |
| **7.Củng *cố.***  *- GV yêu* cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.  - HS nêu ý kiến về bài học .  - GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.  -GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS. | - Nhắc lại ND bài học. |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: | Ngày giảng: Thứ .....ngày: |

**Bài 5 : BÁC TRỐNG TRƯỜNG( 4 tiết)**

**I. MỤC TIÊU**

Hình thành và phát triền năng lực:

**1. Phát triển kĩ năng đọc** thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một VB thông tin ngắn viết dưới dạng tự sự;; đọc đúng vẩn *eng* và tiếng, từ ngữ có vần này; hiểu và trả lời các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

**2. Phát triển kĩ năng viết** thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sẵn và viết lại đúng câu đã hoàn thiện; nghe viết một đoạn ngắn.

**3. Phát triển kĩ năng nói và nghe** thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của VB

và nội dung được thể hiện trong tranh.

**4. Phát triển phẩm chất và năng lực chung**: ý thức tuân thủ nền nếp học tập (đi học đúng giờ, theo hiệu lệnh ở trường học); khả năng làm việc nhóm; khả năng nhận ra những vấn đê' đơn giản và đặt câu hỏi.

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

- Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm vai, thực hành, suy ngẫm

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

**1.Kiến thức ngữ văn**

- GV nắm được đặc điểm của VB thông tin (không có yếu tố hư cấu, mục đích chính là cung cấp thông tin) và nội dung của VB *Bác trống trường.*

- GV nắm được đặc điểm phát âm, cấu tạo vần *eng,* nắm được nghĩa của một số từ ngữ khó trong VB *{đẫy đà, nấu bóng, báo hiệu)* và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**2.Kiến thức đời sống**

- GV có những hiểu biết về trống trường (hình dáng, kích thước, màu sắc, âm thanh, vị trí kê đặt, ý nghĩa văn hoá của tiếng tròng trường...), về các hoạt động trong ngày lễ khai trường.

- GV hiểu được tác dụng của trống trong các hoạt động tập thể khác ở trường: báo hiệu giờ học; điều khiển tập thể dục, tập đội ngũ, xếp hàng chào cờ đầu tuần,...

**3.Phương tiện dạy học**

- Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

**IV.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1. Ôn và khởi động.**  - **Ôn**: HS nhắc lại tên bài học trước và nói về một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.  - **Khởi động**:  + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi  a. *Em thấy những gì trong tranh?*  b. *Trong tranh, đồ vật nào quen thuộc với em nhất? Nó được dùng để làm gì?).*  + Một số (2 - 3) HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung.  + GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời, sau đó dẫn vào bài đọc *Bác trống trường.* | - HS nhắc lại ND bài học trước.  - QS tranh, thảo luận  + *Trong tranh, thầy hiệu trưởng đang đánh trống khai giảng. Đằng sau thầy là phông chữ “Lễ khai giảng năm học 2020 - 2021”. Phía dưới có HS dự lễ khai giảng tay cầm cờ nhỏ,...*  + *trống trường - báo giờ học, sân khấu - nơi biểu diễn văn nghệ,...)* |
| **2. Đọc.**  - GV đọc mẫu toàn VB.  - GV hướng dẫn HS luyện phát âm từ ngữ chứa vần mới  + HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ chứa vần mới trong VB *(reng reng).*  + GV đưa từ *reng reng* lên bảng và hướng dẫn HS đọc. GV đọc mẫu vần *eng* và từ *reng reng,* HS đọc theo đồng thanh.  - HS đọc câu  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu.  - GV hướng dẫn HS luyện phát âm một số từ ngữ khó như: *tiếng, dõng dạc, chuông điện, thỉnh thoảng, reng reng...*  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 2. GV hướng dẫn HS đọc những câu dài.  VD: *Ngày khai trường,/ tiếng của tôi dõng dạc/ “tùng...tùng...tùng...”,/ báo hiệu một năm học mới; Bây giờ/ có thêm anh chuông điện,/ thỉnh thoảng/ củng “reng... reng...reng” báo giờ học; Nhưng/ tôi vẫn là/ người bạn thân thiết/ của các cô cậu học trò.)*  - HS đọc đoạn  + Bài được chia làm mấy đoạn.  + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn, 2 lượt  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài.  - *Đẫy đà:* to tròn, mập mạp.  - *Nâu bóng*: màu nâu có độ nhẵn, bóng.  - *Báo hiệu*: cho biết một điều gì đó sắp đến.  + HS luyện đọc đoạn theo nhóm.  + Thi đọc nhóm.  - HS và GV đọc toàn VB  + 1-2 HS đọc thành tiếng toàn VB.  + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi | - Theo dõi bài.  - HĐ nhóm đôi  - Đọc ĐT- CN  - HS đọc nối tiếp từng câu (lần 1).  - Luyện đọc: CN-ĐT  - HS đọc nối tiếp từng câu (lần 2).  - Đọc CN-ĐT  - Bài được chia làm 3 đoạn:  - đoạn 1: từ đẩu đến *bao giờ.*  - đoạn 2: tiếp theo đến *năm học mớ.*  - đoạn 3: phẩn còn lại).  - Đọc đoạn nối tiếp 2 lượt..  - Nghe GV giải thích nghĩa của từ.  + Đọc đoạn nhóm 3.  + Thi đọc giữa các nhóm.  - 2 HS đọc lại toàn bộ VB. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **4. Trả lời câu hỏi.**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi  a. *Trống trường có vẻ ngoài như thếnào?*  b. *Hằng ngày, trống trường giúp học sinh việc gì?*  c. *Ngày khai trường, tiếng trống báo hiệu điều gì?.*  - YC HS thảo luận nhóm.  - Gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình.  - Các nhóm khác nhận xét, đánh giá. GV và HS thống nhất câu trả lời  *\**Lưu ý: GV có thể chủ động chia nhỏ câu hỏi hoặc bổ sung câu hỏi để dẫn dắt HS. | a. *Trống trường có vẻ ngoài đẫy đà, nước da nâu bóng;*  b. *Hằng ngày, trống trường giúp học sinh ra vào lớp đúng giờ;*  c. *Ngày khai trường, tiếng trống báo hiệu một năm học mới đã đến.*  - Thảo luận nhóm 4 |
| **5. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi b ởmục 3.**  - GV nhắc lại câu trả lời đúng và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở. - GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đẩu câu, đặt dấu chấm, dấu phẩy đúng vị trí.  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS. | - Viết bài bào vở  Hằng ngày, trống trường giúp học sinh ra vào lớp đúng giờ. |

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **6. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở.**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả.  - GV và HS thống nhất câu hoàn thiện.  - GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS. | - Thảo luận nhóm 4.  *+* Năm nào cũng vậy, chúng em háo hức chờ đón ngày khai trường.. |
| **6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh.**  - GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh.  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý.  - GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh.  - HS và GV nhận xét. | - HĐ nhóm.  - HS quan sát tranh, thảo luận và dùng từ ngữ trong khungđể nói theo tranh:  + Các bạn đang xếp hàng.  + Các bạn đang gấp sách vở. |

**TIẾT 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **7.Nghe viết.**  - GV đọc bài viết:  *Thỉnh thoảng có chuông điện báo giờ. Nhưng trống trường vẫn là người bạn gần gũi của học sinh.*  - GV lưu ý HS một số vấn đê' chính tả trong đoạn viết.  + Viết lùi vào đầu dòng. Viết hoa chữ cái đẩu câu, kết thúc câu có dấu chấm.  + Chữ dễ viết sai chính tả: *chuông điện.*  - GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cẩm bút đúng cách.  - Đọc và viết chính tả:  + GV đọc từng câu cho HS viết.  *Thỉnh thoảng/ có chuông điện/ báo giờ học./ Nhưng trống trường/ vẫn là người bạn gần gũi/ của học sinh.*  Mỗi cụm từ đọc 2-3 lần.  GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.  + Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi.  + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi. | - HS lắng nghe.  - HS viết bài vào vở.  - Đổi vở soát lỗi chính tả. |
| 8**.Tìm trong hoặc ngoài bài đọc** ***Bác trống trường* từ ngữ có tiếng chứa vần *ang, an, au, ao.***  - GV nêu nhiệm vụ và lưu ý HS từ ngữ cần tìm có thể có ở trong bài hoặc ngoài bài.  - HS nêu những từ ngữ tìm được.  - GV viết những từ ngữ này lên bảng. | - HS làm việc nhóm đôi để tìm và đọc thành tiếng từ ngữ có tiếng chứa các vần *ang, an, au, ao.*  - Một số (2 - 3) HS đánh vần, đọc trơn; mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần. |
| **9.Đọc và giải câu đố.**  - Gọi 2 - 3 HS đọc câu đố.  - HS giải câu đố về các vật dụng thân thiết với trường học và nói về công dụng của mỗi vật.  - GV đưa tranh về chuông điện, trống trường, bàn ghế, bảng lớp và lần lượt đưa ra các câu đố:  + Ở lớp, mặc áo đen, xanh Với anh phấn trắng, đã thành bạn thân.  + “Reng reng” là tiếng của tôi Ra chơi, vào học, tôi thời báo ngay.  **10. Củng cố**.  - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học.  - GV tóm tắt lại những nội dung chính.  - GV tiếp nhận ý kiến phản hổi của HS vê' bài học.  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.  - GV giao nhiệm vụ cho HS tìm một bài thơ hoặc một câu chuyện về trường học để chuẩn bị cho bài học sau.  -GV chuẩn bị một số bài thơ, câu chuyện về trường học để cung cấp thêm nguồn tài liệu đọc mở rộng cho HS. | - Bảng lớp.  *- Chuông điện* |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: | Ngày giảng: Thứ .....ngày: |

**Bài 6 : GIỜ RA CHƠI (2 tiết)**

**I. MỤC TIÊU:**

Hình thành và phát triển năng lực

**1. Phát triển kĩ năng đọc**: thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một bài thơ; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến nội dung bài thơ; nhận biết một số tiếng cùng vần với nhau, củng cố kiến thức vê' vần; thuộc lòng một số khổ thơ và cảm nhận được vẻ đẹp của bài thơ qua vần và hình ảnh thơ; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

**2. Phát triển kĩ năng nói và nghe**: thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

**3. Phát triển phẩm chất và năng lực chung:** tình cảm và sự gắn kết với bạn bè; khả năng làm việc nhóm

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

- Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm vai, thực hành, suy ngẫm

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

**1.Kiến thức ngữ văn**

- GV nắm được đặc điểm vần, nhịp và nội dung của bài thơ *Giờ ra chơi-,* nghĩa của các từ ngữ khó trong bài thơ *(nhịp nhàng, vun vút)* và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**2.Phương tiện dạy học**

- Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phẩn mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh.

**IV.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **1.Ôn và khởi động.** |  |
| - Ôn: HS nhắc lại tên bài học trước và nói vể một số điều thú vị mà HS học được từ bài học đó.  - Khởi động:  + GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời các câu hỏi.  a. *Trong giờ ra chơi, em và các bạn thường làm gì?*  b. *Em cảm thấy thế nào khi ra chơi?*  + Gọi 2 - 3 HS trả lời câu hỏi.  + GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời, sau đó dẫn vào bài thơ *Giờ ra chơi.* | - 2-3 HS nhắc lại ND bài đã học tiết trước.  - Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ.  - HS trả lời |
| **2. Đọc.**  - GV đọc mẫu bài thơ. Chú ý đọc diễn cảm, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ.  - Gọi HS đọc từng dòng thơ  + Một sô HS đọc nối tiếp từng dòng thơ.  - GV hướng dẫn HS luyện đọc một số từ ngữ khó.  + Gọi HS đọc nối tiếp từng dòng thơ (lần 2).  - GV hướng dẫn HS cách đọc, ngắt nghỉ đúng dòng thơ, nhịp thơ.  - HS đọc từng khổ thơ  + GV hướng dẫn HS nhận biết khổ thơ.  + Gọi HS đọc nối tiếp từng khổ thơ.  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài thơ  *- nhịp nhàng:* rất đều  - *vun vút:* rất nhanh.  - HS đọc cả bài thơ  + Gọi 2 HS đọc thành tiếng cả bài thơ.  + Lớp đọc đồng thanh cả bài thơ. | - Đọc nối tiếp từng dòng thơ. (lần 1).  - HS nối tiếp (lần 2). Kết hợp giải nghĩa từ khó.  + HS đọc từng khổ thơ theo nhóm.  + Một số HS đọc khổ thơ, mỗi HS đọc một khổ thơ. Các bạn nhận xét, đánh giá.  - Lớp đọc ĐT-CN |
| **3.Tìm ở cuối các dòng thơ những tiếng cùng vần với nhau**.  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, cùng đọc lại bài thơ và tìm tiếng cùng vẩn với nhau ở cuối các dòng thơ.  - HS viết những tiếng tìm được vào vở.  - GV yêu cầu một số HS trình bày kết quả.  - GV và HS nhận xét, đánh giá.  - GV và HS thống nhất câu trả lời | + Làm việc nhóm.  *- trắng - nắng, gái - ái - trai - tài, nhàng - vang - vàng - trang.*  - Đọc ĐT-CN. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **4.Trả lời câu hỏi.**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu bài thơ và trả lời các câu hỏi  a. *Những trò chơi nào được nói tới trong bài?*  b. *Những từ ngữ nào cho biết các bạn chơi trò chơi rất giỏi?*  c. *Giờ ra chơi của các bạn như thế nào?.*  - HS làm việc nhóm cùng nhau trao đổi và trả lời từng câu hỏi.  - GV đọc từng câu hỏi và gọi một số HS trình bày câu trả lời.  - Gọi HS nhận xét, đánh giá. | a. Trò chơi nhảy dấy và trò chơi đá cấu.  b. nhịp nhàng, vòng quay đểu, bay vun vút, móc rất tài.  c. Giờ ra chơi của các bạn vui, rộn tiếng cười hoà vang. |
| **5.Học thuộc lòng.**  - GV treo bảng phụ khổ thơ thứ hai và thứ ba.  - Một HS đọc thành tiếng khổ thơ thứ hai và thứ ba.  - GV hướng dẫn HS học thuộc lòng khổ thơ thứ hai và thứ ba bằng cách xoá/ che dần một số từ ngữ trong hai khổ thơ cho đến khi xoá/ che hết.  -HS nhớ và đọc thuộc cả những từ ngữ bị xoá/ che dần. | - HS đọc CN-ĐT |
| **6.Trò chơi *Nhìn hình đoán tên trò chơi***  - Chuẩn bị: GV chuẩn bị một số thẻ tranh về trò chơi dân gian như *Bịt mắt bắt dê, Chơi chuyền, Trốn tìm, Cướp cờ, Kéo co, Nhảy bao bố, Tranh bóng* (Lưu ý: tuỳ theo lượng thời gian, GV có thể sử dụng số trò chơi nhiều hay ít).  - Cách chơi: GV tạo một số nhóm chơi, số HS trong mỗi nhóm có thể linh hoạt.  - GV gọi 1 HS đại diện cho nhóm 1 lên bảng quan sát tranh  \*Lưu ý: mặt sau của tranh quay vể phía lớp học sao cho HS trong lớp không quan sát được tranh. Sau khi quan sát tranh, HS này có nhiệm vụ dùng ngôn ngữ cơ thể để mô tả trò chơi được vẽ trong tranh. Các thành viên còn lại của nhóm có nhiệm vụ quan sát và nói được tên trò chơi. Phần thắng thuộc về nhóm trả lời đúng, nhanh, mô phỏng trò chơi chính xác.  - Lần lượt đến nhóm 2, nhóm 3 và các nhóm tiếp theo.  - Thời gian quy định cho mỗi lượt chơi: 1 phút. Nhóm mất lượt chơi là nhóm trả lời sai hoặc hết thời gian quy định nhưng chưa tìm được đáp án.  - Trò chơi được tổ chức thành hai vòng. Mỗi nhóm quan sát một tranh. | - HS chơi TC đúng luật và chơi vui vẻ. |
| **7.Củng cố**.  - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học.  - GV tóm tắt lại những nội dung chính.  - GV tiếp nhận ý kiến phản hổi của HS vê' bài học.  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.  - GV giao nhiệm vụ cho HS tìm một bài thơ hoặc một câu chuyện về trường học để chuẩn bị cho bài học sau.  -GV chuẩn bị một số bài thơ, câu chuyện về trường học để cung cấp thêm nguồn tài liệu đọc mở rộng cho HS. | - HS nêu ý kiến về bài học. |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: | Ngày giảng: Thứ .....ngày: |

**Bài : ÔN TẬP( 2 TIẾT)**

**I. MỤC TIÊU:**

Giúp HS:

- Củng cố và nâng cao một số kiến thức, kĩ năng đã học trong bài *Mái trường mên yêu* thông qua thực hành nhận biết và đọc những tiếng có vần khó vừa được học; ôn và mở rộng vốn từ ngữ dùng để nói về nhà trường; thực hành đọc mở rộng một bài thơ, một câu chuyện hay hát bài hát về trường học, nói cảm nghĩ về bài thơ, câu chuyện hoặc bài hát; thực hành nói và viết sáng tạo về một chủ điểm cho trước (nhà trường).

- Bước đầu có khả năng khái quát hoá những gì đã học thông qua một số nội dung được kết nối từ các văn bản đã được học trong bài.

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

- Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm vai, thực hành, suy ngẫm

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

- Phương tiện dạy học:

- Một số bài thơ, câu chuyện, bài hát về chủ điểm nhà trường (có thể lấy từ tủ sách của lớp) để HS đọc hoặc tập hát ngay tại lớp.

- Có thể dùng thiết bị máy chiếu để trình chiếu các vần HS cần luyện đọc.

**IV.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Tìm từ ngữ có tiếng chứa vần *yêm, iêng, eng, uy, oay****.*   * GV nêu nhiệm vụ chủ yếu tìm trong các văn bản đã học. * GV nên chia các vần này thành 2 nhóm để tránh việc HS phải ôn một lần nhiều vần, và HS thực hiện nhiệm vụ theo từng nhóm vần.   - Nhóm vần thứ nhất:  + HS làm việc nhóm đôi để tìm và đọc từ ngữ.  + HS nêu những từ ngữ tìm được.  - GV viết những từ ngữ này lên bảng.  + Gọi 2 – 3 HS đánh vẩn, đọc trơn.  đổng thanh một số lần.  - Nhóm vần thứ hai:  + Cho đọc từ ngữ có tiếng chứa các vần *uy, oay.*  + HS nêu những từ ngữ tìm được.  GV viết những từ ngữ này lên bảng.  + Lớp đọc tất cả các vần vừa tìm đượctừ hai nhóm vần. | - HĐ nhóm.  - Các nhóm tìm tiếng chứa các vần *yêm, iêng, eng.*  + HS nêu vần.  - Đồng thanh- CN.  - Đọc CN-ĐT  - HS nêu vần.  + HS đánh vẩn, đọc trơn  - lớp đọc. đồng thanh một số lần. |
| **2.Tìm từ ngữ về trường học.**  - Cho HS làm việc nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ.  - GV gợi ý: Trong các từ ngữ đã cho, từ ngữ nào chỉ những người làm việc ở trường?  - Từ ngữ nào chỉ đồ vật dùng để dạy và học?  - Từ ngữ nào chỉ không gian, địa điểm trong trường?...  - Gọi 2-3 HS trình bày kết quả.  - GV và HS thống nhất phương án đúng.  - Những từ ngữ nào chỉ sự vật, hoạt động có ở trường. | - Thầy giáo, cô giáo, hiệu trưởng  - Bút, vở, sách, bảng.  - Lớp học,  - Cây bàng, cửa sổ, ghế đá, vui chơi,... |
| **3.Kể về một ngày ở trường của em**.  - HS làm việc nhóm đôi để thực hiện nhiệm vụ.  GV có thể gợi ý:  +*Em thường đến trường lúc mấy giờ?*  *+Rời khỏi trường lúc mấy giờ?*  *+Ở trường, hằng ngày, em thường làm những việc gì?*  *+ Việc gì em thấy thú vị nhất?...*  -YC- HS trình bày trước lớp, nói về một ngày ở trường của mình.  - Gọi HS khác nhận xét, đánh giá.  - GV nhận xét, đánh giá chung và khen ngợi những HS có cách kể hấp dẫn, nêu được những chi tiết thú vị. Nói rõ các ưu điểm để HS cùng học hỏi | - HĐ nhóm đôi và TLCH:  - HS - TL  - HS - TL  - HS - TL  - HS - TL |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **4.Viết 1-2 câu về trường em.**  - HS làm việc nhóm đôi, quan sát tranh vẽ ngôi trường và trao đổi với nhau về những gì quan sát được.  - GV yêu cầu HS trình bày những gì đã trao đổi vê' ngôi trường trong tranh và nói về ngôi trường của mình.  - Gọi HS tự viết 1-2 câu vê' trường theo suy nghĩ riêng của mình.  - GV và một số bạn đã trình bày trước lớp.  - GV nhận xét, khen ngợi một số HS viết hay, sáng tạo. | - HĐ nhóm đôi.  - QS và trình trao đổi về ngôi trường của mình.  - Đại diện nhóm lên viết câu trả lời. |
| **5. Đọc mở rộng.**  - Trong buổi học trước, GV đã giao nhiệm vụ cho HS tìm một bài thơ hoặc một câu chuyện vê' trường học.  - GV cũng có thể chuẩn bị một số bài thơ, câu chuyện phù hợp và cho HS đọc ngay tại lớp.  - HS làm việc nhóm đôi hoặc nhóm 4. Các em đọc thơ, kể chuyện hay nói vê' bài thơ, câu chuyện mới đọc được cho bạn nghe.  - Gọi 3 - 4 HS đọc thơ, kể chuyện hoặc chia sẻ ý tưởng vê' bài thơ, truyện kể đã đọc trước lớp.  - Một số HS khác nhận xét, đánh giá.  - GV nhận xét, đánh giá và khen ngợi những HS đọc thơ, kể chuyện hấp dẫn hoặc chia sẻ một số ý tưởng thú vị. Nói rõ các ưu điểm để HS cùng học hỏi.  **6.Củng cố.**  GV tóm tắt lại nội dung chính;  - Nhận xét, khen ngợi, động viên HS. | - HĐ nhóm 4  - Đại diện Đọc thơ và kể chuyện đã tìm được.  - Các nhóm khác NX. |

**LUYỆN TẬP ( 2 TIẾT)**

**I. MỤC TIÊU:**

Giúp HS:

- Củng cố và nâng cao một số kiến thức, kĩ năng đã học trong bài *Tôi đi học , Đi học, Hoa yêu thương, Cây bàng, Bác trống trường, Giờ ra chơi.Ô*n và mở rộng vốn từ ngữ dùng để nói về nhà trường; thực hành đọc mở rộng một bài thơ; thực hành nói và viết sáng tạo về một chủ điểm cho trước (nhà trường).

- Biết sắp xếp các từ ngữ thành câu và viết vào vở

**II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:**

- Phương pháp tổ chức trò chơi, động não, thảo luận theo cặp, thảo luận nhóm, sắm vai, thực hành, suy ngẫm

**III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

- Phương tiện dạy học:

- Một số bài thơ, câu chuyện, bài hát về chủ điểm nhà trường (có thể lấy từ tủ sách của lớp) để HS đọc hoặc tập hát ngay tại lớp.

- Có thể dùng thiết bị máy chiếu để trình chiếu các vần HS cần luyện đọc.

**IV.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **Bài 1.TÔI ĐI HỌC**  Sắp xếp các từ ngữ thành câu và viết vào vở  - GV yêu cầu HS sắp xếp các từ ngữ trong từng dòng sau thành câu:  *+ tôi, đi học, hôm nay*  *+ củng, nhớ, ngày đầu, ai, đến trường*  - GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi. Một số (2 - 3) nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất phương án đúng.  **Bài 2. ĐI HỌC**  Sắp xếp các từ ngữ thành câu và viết vào vở  - GV yêu cầu HS sắp xếp các từ ngữ trong dòng sau thành câu: *điều hay, cô giáo, chúng tôi, nhiều, dạy.*   * GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi. Một số (2 - 3) nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất phương án đúng. (Cố *giáo dạy chúng tôi nhiều điều hay.)* * HS viết vào vở câu đã được sắp xếp đúng.   **Bài 3. HOA YÊUTHƯƠNG**  Sắp xếp các từ ngữ thành câu và viết vào vở  - GV yêu cầu HS sắp xếp các từ ngữ trong từng dòng sau thành câu:  *+ cả lớp, cô giáo, vẽ, dạy, con mèo*  *+ lên, tranh, chúng tôi, treo, tường*   * GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi. Một số (2 - 3) nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất phương án đúng. | HS làm việc nhóm đôi. Một số (2 - 3) nhóm trình bày kết quả.  *-Hôm nay tôi đi học.*  *- Ai cũng nhớ ngày đầu đến trường.* HS cũng có thể viết: *Tôi đi học hôm nay./ Ngày đầu đền trường, ai cũng nhớ.)*  -HS viết vào vở các câu đã được sắp xếp đúng.  HS làm việc nhóm đôi. Một số nhóm trình bày kết quả.  - Cố *giáo dạy chúng tôi nhiều điều hay.*  HS làm việc nhóm đôi. Một số (2 - 3) nhóm trình bày kết quả.  - Có *giáo dạy cả lớp vẽ con mèo.*  *- Chúng tôi treo tranh lên tường.*  - HS đọc câu hoàn chỉnh  - HS viết vào vở các câu đã được sắp xếp đúng |

**Tiết 2**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| **Bài 4. CÂY BÀNG VÀ LỚP HỌC**  Sắp xếp các từ ngữ thành câu và viết vào vở   * GV yêu cầu HS sắp xếp các từ ngữ trong dòng sau thành câu: *tán lá, như, xoè ra, một chiếc ô, bàng.* * GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi. Một số (2 - 3) nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất phương án đúng. *(Tán lá bàng xoè ra như một chiếc ô.)* * HS viết vào vở câu đã được sắp xếp đúng.   **Bài 5. BÁC TRỐNG TRƯỜNG**  **1.Kết hợp từ ngữ ở A và B**   * GV yêu cầu HS kết hợp từ ngữ ở A và B  |  |  |  | | --- | --- | --- | | A |  | B | | Anh chuông điện |  | có thân hình mập mạp. | | Tiếng trống |  | thay bác trống báo giờ học. | | Bác trống trường |  | dõng dạc vang lên trong ngày khai trường. |  * GV hướng dẫn HS tìm sự phù hợp giữa từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B. * 2 - 3 HS trình bày. * GV và HS nhận xét.   - GV và HS thống nhất đáp án  - Có thể chuyển bài tập trên sang hình thức trò chơi để giờ học thêm sinh động, HS dễ hiểu bài, dễ hình thành kĩ năng tạo câu.  Vd trò chơi *Kết bạn:*  Có 2 đội chơi. 6 HS/1 đội, đứng thành 2 bên (A và B), mỗi bên 3 HS. Bên A, mỗi HS cầm 1 bảng, trên từng bảng ghi “Anh chuông điện”, “Tiếng trống”, “Bác trống trường”. Bên B, mỗi HS cầm 1 bảng, trên từng bảng ghi “thay bác trống báo giờ học”, “dõng dạc vang lên trong ngày khai trường”, “có thân hình mập mạp”. Khi quản trò hô “Kết bạn!”, HS bên A và B, nếu thấy 2 bảng từ ngữ trên tay mình và bạn có thể kết hợp thành câu thì lại gần nhau, đứng chụm vào nhau. Đội nào hoàn thành đúng và nhanh nhất là đội chiến thắng.  **2.Sắp xếp các từ ngữ thành câu và viết vào vở**   * GV yêu cầu HS sắp xếp các từ ngữ trong dòng sau thành câu:   *+ bàn ghế, mùi, còn, gỗ, thơm.*  *+ người bạn, là, trống trường, của chúng tôi, thân thiết.*  - GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi để sắp xếp các từ ngữ thành câu.  - Một số (2 - 3) nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất phương án đúng.  - HS viết vào vở câu đã được sắp xếp đúng.  **Bài 6. GIỜ RA CHƠI**  1.Viết đúng chính tả một khổ thơ trong bài *Giờ ra chơi* vào vở  - GV trình chiếu đoạn thơ  *Chống báo dờ ra chơi*  *Từng đàn chim áo chắng*  *Sếp xách vở mau thôi*  *Ùa ra ngoài sân lắng.*  và yêu cầu HS chú ý đến những từ được tô đậm.   * Một số (2 - 3) HS cho biết hình thức viết đúng chính tả của những từ được tô đậm. GV và HS thống nhất phương án đúng. GV viết những từ đúng chính tả lên bảng hoặc trình chiếu đoạn thơ với những từ đã được chỉnh sửa.   **Củng cố**  - Nhắc lại nội dung bài ôn/  - Về đọc lại các bài tập đọc vừa ôn. | - “Anh chuông điện”- “thay bác trống báo giờ học”  - “Tiếng trống” - “dõng dạc vang lên trong ngày khai trường”,  - “Bác trống trường” -“có thân hình mập mạp”.  - HS làm việc nhóm đôi để sắp xếp các từ ngữ thành câu.  *- Bàn ghế còn thơm mùi gỗ.*  *- Trống trường là người bạn thân thiết của chúng tôi* hoặc *Người bạn thân thiết của chúng tôi là trống trường.*  - Một số (2 - 3) nhóm trình bày kết quả.  - HS viết vào vở câu đã được sắp xếp đúng.  - HS làm việc nhóm đôi để trao đổi xem những từ được tô đậm viết sai như thế nào, viết lại thế nào thì đúng.  *Trống báo giờ ra chơi*  *Từng đàn chim áo trắng*  *Xếp sách vở mau thôi*  *Ùa ra ngoài sân nắng* |

Lưu ý, các lỗi chính tả ở đây chủ yếu là của HS ở miền Bắc, nhất là ở những địa phương không phân biệt được *ch/tr, s/x* và cả *n/ỉ.* Riêng trường hợp *dờ* là do đặc điểm của chữ Quốc ngữ, dùng hai hình thức chữ viết khác nhau để ghi cùng một âm (âm /z/ vừa được ghi bằng chữ *d* như trong *dật dờ, dở dang,* vừa được ghi bằng chữ *gi* như trong *giờ (học), giống (nhau),...)*

* HS viết vào vở đoạn thơ đã được sửa lỗi chính tả.

*Trống báo giờ ra chơi Từng đàn chim áo trắng Xếp sách vở mau thôi Ùa ra ngoài sân nắng.*

1. Sắp xếp các từ ngữ thành câu và viết vào vở

* GV yêu cầu HS sắp xếp các từ ngữ trong dòng sau thành câu: *đang, Dương, đọc, và, Tân, truyện*
* GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi. Một sò (2 - 3) nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất phương án đúng. *(Dương và Tân đang đọc truyện* hoặc *Tấn và Dương đang đọc truyện.)*
* HS viết vào vở đã được sắp xếp đúng.